

Số: 1538/KL-TTCTP

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2023

BỘ CÔNG THƯƠNG**ĐẾN**

Số: 4.4.4.1.....

Ngày: 10/7/2023

Chuyên:

KẾT LUẬN THANH TRA**Việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương**

Lưu hồ sơ số: Căn cứ Quyết định thanh tra số 379/QĐ-TTCTP ngày 24/5/2018 của Tổng Thanh tra Chính phủ về thanh tra việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Bộ Công Thương và kiểm tra xác minh một số doanh nghiệp. Xét báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, báo cáo thẩm định Dự thảo kết luận thanh tra của Vụ Giám sát, Thẩm định, Xử lý sau thanh tra số 185/BC-GSTĐXLSTT ngày 05/11/2019, ý kiến giải trình của Bộ Công Thương (Văn bản 809/BCT-TC ngày 16/9/2019); tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ (Các văn bản: số 2075/VPCP-V.I ngày 03/8/2020 của Văn phòng Chính phủ, số 1661/VPCP-V.I ngày 25/5/2022, số 317/VPCP-V.I ngày 02/02/2023), ý kiến tham gia, giải trình có cơ sở của các bộ, ngành và UBND các tỉnh thành phố (Bộ Tài chính, Văn bản số 806/BTC-TCDN ngày 17/7/2020; Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn bản số 172/ BTNMT- TTtr ngày 25/5/2020; Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp, Văn bản số 180/UBQLV-PCKS ngày 10/6/2020; UBND Thành phố Hà Nội, Văn bản số 93/UBND-KT ngày 22/5/2020; UBND tỉnh Quảng Ngãi, Văn bản số 1921/UBND-KT ngày 29/4/2020; UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Văn bản số 140/UBND-KH ngày 28/4/2020; UBND tỉnh Khánh Hòa, Văn bản số 198/UBND ngày 07/5/2020; UBND tỉnh Đắk Lắk, Văn bản số 272/UBND-KT ngày 22/4/2020), Tổng Thanh tra Chính phủ kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước, Bộ Công Thương là Đại diện chủ sở hữu quản lý 32 doanh nghiệp với tổng số vốn là 482.597.926 triệu đồng, trong đó: 10 Tập đoàn, Tổng công ty và 08 Công ty TNHH MTV do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ với tổng số vốn là 453.600.587 triệu đồng; các Công ty nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ với tổng số vốn là 28.997.339 triệu đồng.

Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước (DNNN) thuộc Bộ Công Thương (sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn) được thực hiện trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản: Số 2219/TTg-ĐMDN ngày 01/12/2011 về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Công Thương giai đoạn 2011-2015; số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 về phê duyệt Đề án tái cơ cấu DNNN, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015; số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 về phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020 và các quyết

định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu doanh nghiệp của Bộ, phương án cổ phần hóa (CPH) của các Tập đoàn, các Tổng công ty; theo đó Bộ Công Thương đã chỉ đạo các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty xây dựng đề án tái cơ cấu trình phê duyệt, Bộ Công Thương thẩm định để phê duyệt các đề án tái cơ cấu thuộc thẩm quyền; tổng số đề án tái cơ cấu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ được phê duyệt giai đoạn 2012-2015 là 09 Tập đoàn, Tổng công ty; giai đoạn 2017-2020 là 03 Tập đoàn.

Trong giai đoạn từ 01/01/2011 đến 31/12/2017, Bộ Công Thương đã tổ chức thực hiện CPH 13 DNNN thành công ty cổ phần¹ (CTCP) và 02 công ty con trực thuộc Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp²; thoái toàn bộ 78,74% vốn tại Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam³, thoái 53,59% vốn tại Tổng CTCP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn⁴.

Việc tái cơ cấu DNNN thuộc Bộ Công Thương đã được Kiểm toán nhà nước tiến hành kiểm toán chuyên đề năm 2017; do đó, Thanh tra Chính phủ lập kế hoạch và tiến hành thanh tra trách nhiệm của Bộ Công Thương trong việc thực hiện một số nội dung về sắp xếp, CPH, thoái vốn giai đoạn từ 2011-2017 và xác minh tại một số doanh nghiệp, kết quả như sau:

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

I. Việc thực hiện trách nhiệm của Bộ Công Thương về tái cơ cấu DNNN thuộc Bộ thời kỳ 2011-2017

- Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2219/TTg-ĐMDN ngày 01/12/2011 về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Bộ Công Thương giai đoạn 2011-2015, Bộ Công Thương có nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện CPH 02 Tổng công ty, 07 Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên (TNHHNNMTV), Viện máy & Dụng cụ công nghiệp và 10 Công ty TNHH một thành viên trực thuộc 02 Tổng công ty; riêng đối với Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý tạm dừng việc CPH (Văn bản số 89/TB-VPCP ngày 16/02/2018 của Văn phòng Chính phủ).

Theo Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Bộ Công Thương có nhiệm vụ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phê duyệt theo thẩm quyền Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2012-2015 của 09 Tập đoàn, Tổng công ty 100% vốn nhà nước thuộc Bộ; tổ chức thực hiện, chỉ đạo các Tập đoàn, Tổng công ty thực hiện các đề án tái cơ cấu được phê duyệt.

- Theo báo cáo của Bộ Công Thương cho thấy: Bộ đã hoàn thành công tác CPH và chuyển đổi 13 DNNN thành CTCP hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, đạt 65% số doanh nghiệp phải CPH; thực hiện thoái 78,74% vốn tại Tổng CTCP Thiết

¹ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam, Vnsteel, Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, Công ty TNHH MTV Giao nhận kho vận Ngoại thương, Công ty TNHH MTV Điện máy, Công ty TNHH MTV Điện máy và Đầu tư, Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng V, Công ty TNHH MTV Thực phẩm và Đầu tư Fococev, Công ty TNHH MTV Du lịch và Xúc tiến thương mại, Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp IMI;

² Công ty TNHH MTV Caric, Công ty TNHH MTV Cơ khí Duyên Hải;

³ thu về cho nhà nước 2.170.000 triệu đồng;

⁴ thu về cho nhà nước 109.966.000 triệu đồng. *Đ*

bị điện Việt Nam, thu 2.170.000 triệu đồng; thoái 53,59% vốn tại Tổng CTCP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn thu 109.966.000 triệu đồng; hoàn thành việc bàn giao 08 doanh nghiệp sang SCIC⁵.

Như vậy, theo nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Văn bản số 2219/TTg-ĐMDN ngày 01/12/2011 và Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012, Bộ Công Thương chưa thực hiện cổ phần hóa 09 Tổng công ty, Công ty theo đề án gồm: 02 Công ty trực thuộc Bộ (Tổng công ty Giấy Việt Nam, Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng và Xây lắp thương mại BMC), 07 Công ty thuộc các Tập đoàn, Tổng công ty là: Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng-Vinacomin thuộc Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, 04 Công ty thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam (Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản, Công ty Giấy Tissue Sông Đuống, Công ty Chế biến và XNK Dăm mảnh, Công ty Thiết kế Lâm nghiệp) và Công ty Thực phẩm miền Bắc thuộc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm về việc chưa hoàn thành nhiệm vụ CPH theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngoài ra Bộ Công Thương còn có trách nhiệm theo các mục kiểm tra dưới đây.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh một số nội dung về CPH, thoái vốn tại một số doanh nghiệp thuộc Bộ

1. Tại Tổng công ty Thép Việt Nam

Tổng công ty Thép Việt Nam (Vnsteel) được thực hiện CPH theo Quyết định số 256/QĐ-BCT ngày 15/01/2010 của Bộ Công Thương; ngày 01/02/2010, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 619/QĐ-BCT thành lập Ban chỉ đạo CPH Công ty mẹ Vnsteel, Công ty cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam (VVFC) thực hiện tư vấn xác định doanh nghiệp; ngày 29/6/2010, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3468/QĐ-CT phê duyệt giá trị doanh nghiệp CPH Vnsteel, theo đó: giá trị doanh nghiệp CPH Vnsteel thời điểm 01/01/2010 là 14.996.064 triệu đồng, giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 6.523.833 triệu đồng (gồm giá trị: Công ty mẹ, Chi nhánh, Viện luyện kim đen).

Ngày 18/04/2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 552/QĐ-TTg phê duyệt Phương án CPH Vnsteel; theo đó, vốn điều lệ là 6.800.000 triệu đồng (680.000.000 cổ phần), trong đó: Giá trị cổ phần nhà nước nắm giữ 6.120.000 triệu đồng (612.000.000 cổ phần), chiếm 90% vốn điều lệ, giá trị cổ phần bán đấu giá công khai 659.869 triệu đồng (65.986.900 cổ phần), chiếm 9,7% vốn điều lệ. Do kết quả bán đấu giá CP lần đầu không hết theo phương án, Bộ Công Thương đề nghị và Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1517/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP, vốn điều lệ là 6.780.000 triệu đồng (678.000.000 cổ phần), trong đó: Nhà nước nắm giữ 636.844.034 cổ phần (6.368.440,340 triệu đồng), chiếm 93,93% vốn điều lệ; bán ưu đãi cho người lao động 1.081.900 cổ phần (10.819

⁵ Tổng CTCP Sành sứ Thủy tinh Việt Nam; Tổng CTCP Dầu thực vật Việt Nam; CTCP Điện máy và Kỹ thuật công nghệ; CTCP Xuất nhập khẩu Intimex Việt Nam; CTCP Điện máy; CTCP Du lịch và Xúc tiến thương mại; CTCP Nhựa Việt Nam; CTCP Đầu tư phát triển và Kinh doanh. 

triệu đồng), chiếm 0,16% vốn điều lệ; bán đầu giá ra bên ngoài 39.074.066 cổ phần (390.740,66 triệu đồng), chiếm 5,763 % vốn điều lệ; Vnsteel được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp từ ngày 29/09/2011. Đến tháng 4/2019, Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là đại diện quyền chủ sở hữu vốn nhà nước tại Vnsteel.

Việc tái cơ cấu doanh nghiệp Vnsteel đã được Kiểm toán nhà nước kiểm toán: *“Chuyên đề việc thực hiện Đề án Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015”* (Không kiểm toán báo cáo tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi CPH). Thanh tra Chính phủ kiểm tra một số nội dung về: xác định giá trị một số máy móc, thiết bị tại Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ và Công ty Thép Miền Nam; một số nội dung về phương án sử dụng đất trong Phương án CPH; việc quyết toán CPH Vnsteel, kết quả như sau:

1.1. Việc xác định giá trị tài sản cố định là máy móc, thiết bị tại Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ và Công ty Thép Miền Nam khi xác định giá trị doanh nghiệp CPH Vnsteel

Theo quy định tại Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính, tiết 4.1 điểm 4 Mục A, Phần III:

“b) Giá trị thực tế của tài sản bằng (=) Nguyên giá tính theo giá thị trường tại thời điểm tổ chức định giá nhân (x) Chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm định giá ...

- Chất lượng của tài sản được xác định bằng tỷ lệ phần trăm so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới hoặc đầu tư xây dựng mới, phù hợp với các quy định... Nếu chưa có quy định của nhà nước thì chất lượng tài sản là máy móc thiết bị ... được đánh giá lại không thấp hơn 20% so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới...”

c) Tài sản cố định đã khấu hao thu hồi đủ vốn... nhưng công ty cổ phần tiếp tục sử dụng phải đánh giá lại để tính vào giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc không thấp hơn 20% giá trị tài sản, công cụ, dụng cụ mua mới”.

Kiểm tra việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại của máy móc thiết bị để xác định giá trị tài sản khi CPH Vnsteel cho thấy:

- Đối với tài sản là máy móc thiết bị của Công ty Thép Miền Nam, theo hồ sơ CPH, 110 máy móc thiết bị đã được phê duyệt giá trị tại thời điểm 01/01/2010 là 1.546.200 triệu đồng, trong đó có 88 máy móc thiết bị VVFC đã xác định tỷ lệ phần trăm chất lượng bằng cách tính bình quân giữa *“phương pháp kỹ thuật”* và *“phương pháp thống kê kinh nghiệm”*⁶; phương pháp kỹ thuật là căn cứ vào tính kỹ thuật của tài sản để xác định tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại, phù hợp với quy định tại điểm 4 Mục A Phần III Thông tư số 146/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính; phương pháp thống kê kinh nghiệm thì tính tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của tài sản theo số năm thực tế sử dụng so với số năm sử dụng tối đa quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ; tuy nhiên, phạm vi áp dụng của Thông tư số

⁶ *“phương pháp kỹ thuật”* và *“phương pháp thống kê kinh nghiệm”* do Tư vấn VVFC đặt khái niệm.



203/2009/TT-BTC (Điều 1) không có quy định áp dụng để xác định tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của máy móc thiết bị khi CPH; do đó, việc VVFC xác định tỷ lệ chất lượng còn lại của 88 máy móc thiết bị bằng cách tính bình quân giữa “phương pháp kỹ thuật” và “phương pháp thống kê kinh nghiệm” là không có cơ sở pháp lý.

Đối với 04 tài sản khác, gồm: Hệ thống dẫn phôi, ra phôi; Máy cắt 400T; Biến áp 560 KVA và Dàn cán Danieli (những tài sản đã hết khấu hao), VVFC xác định tỷ lệ phần trăm chất lượng bằng cách tính bình quân giữa “phương pháp kỹ thuật” và “phương pháp thống kê kinh nghiệm” như nêu trên cho kết quả xác định chỉ còn 10% là sai quy định tại tiết c-4.1 điểm 4 Mục A Phần III Thông tư số 146/2007/TT-BTC, dẫn đến tính thiếu vốn nhà nước tương ứng 10% nguyên giá 04 tài sản này.

Tóm lại, 110 tài sản là máy móc thiết bị của Công ty Thép Miền Nam có 92 tài sản tư vấn VVFC đã xác định tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại không đúng; theo đó, 88 tài sản giữ nguyên giá trị như Tư vấn đã xác định theo phương pháp kỹ thuật (trong phương pháp hỗn hợp) phù hợp với quy định tại Mục 4, Chương III, Phần A, Thông tư 146/2007/TT-BTC và 04 tài sản áp dụng theo quy định về trường hợp chưa có quy định của nhà nước thì chất lượng tài sản là máy móc thiết bị... được đánh giá lại không thấp hơn 20% so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới thì tổng giá trị 110 tài sản là 1.783.600 triệu đồng (trong đó 18 tài sản giữ nguyên giá trị do xác định bằng phương pháp kỹ thuật phù hợp quy định), chênh lệch tăng so với giá trị đã phê duyệt thời điểm 01/01/2010 (tạm tính) là 237.357 triệu đồng. Như vậy, tư vấn VVFC xác định giá trị máy móc thiết bị, Vnsteel nghiệm thu kết quả, Ban chỉ đạo CPH Vnsteel thẩm định trình Bộ Công Thương phê duyệt không đúng, thiếu giá trị doanh nghiệp, thiếu giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 237.357 triệu đồng (Phụ lục kèm theo).

- Đối với tài sản là máy móc thiết bị của Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ: 51 máy móc thiết bị đã phê duyệt giá trị tại thời điểm 01/01/2010 là 1.103.200 triệu đồng, trong đó có 35 máy móc thiết bị VVFC đã xác định tỷ lệ phần trăm chất lượng bằng cách tính bình quân giữa “phương pháp kỹ thuật” và “phương pháp thống kê kinh nghiệm” (Tương tự như 88 tài sản là máy móc thiết bị của Công ty Thép Miền Nam nêu trên) là không có cơ sở pháp lý. Giữ nguyên giá trị như Tư vấn đã xác định theo phương pháp kỹ thuật trong phương pháp hỗn hợp và áp dụng trường hợp chưa có quy định của nhà nước thì chất lượng tài sản là máy móc thiết bị... được đánh giá lại không thấp hơn 20% so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới thì tổng giá trị 51 tài sản là 1.210.500 triệu đồng (trong đó 16 tài sản còn lại giữ nguyên giá trị do xác định bằng phương pháp kỹ thuật phù hợp quy định), chênh lệch tăng so với giá trị đã phê duyệt thời điểm 01/01/2010 (tạm tính) là 107.330 triệu đồng. Như vậy, VVFC xác định giá trị máy móc thiết bị, Vnsteel nghiệm thu kết quả, Ban chỉ đạo CPH Vnsteel thẩm định trình Bộ Công Thương phê duyệt không đúng, thiếu giá trị doanh nghiệp, thiếu giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Vnsteel số tiền là 107.330 triệu đồng (có Phụ lục kèm theo).

1.2 Việc xác định giá trị quyền sử dụng một số thửa đất theo phương án là giao đất khi xác định giá trị doanh nghiệp CPH Vnsteel.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 614/CT-ĐG/NV3 ngày 25/5/2010 của VVFC đối với giá trị đất đai của Vnsteel để CPH thì 07 thửa đất có tổng diện tích

20.990,7 m² (theo phương án CPH là hình thức giao đất), tổng giá trị quyền sử dụng đất (tạm tính) là 614.905,25 triệu đồng (phản ánh phải nộp ngân sách); kiểm tra việc thực hiện phương án sử dụng đất của 04/07 thửa đất nêu trên như sau:

- Đối với 02 thửa đất: i) Thửa đất tại 91 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, diện tích 1.338 m², giá trị quyền sử dụng đất (tạm tính) là 160.756 triệu đồng; ii) Thửa đất tại 56 Thủ Khoa Huân, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, diện tích 1.083,5 m², giá trị quyền sử dụng đất (tạm tính) là 153.176 triệu đồng (tổng giá trị 02 thửa đất là 313.932 triệu đồng); đến thời điểm chính thức chuyển sang CTCP và thời điểm thanh tra, Vnsteel chưa hoàn thành thủ tục để nộp tiền vào ngân sách nhà nước, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất là thực hiện không đúng điểm c khoản 2 Điều 31 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ: *"giá trị quyền sử dụng đất xác định tính vào giá trị doanh nghiệp... được hạch toán là khoản phải nộp ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp cổ phần hóa phải nộp số tiền này cho ngân sách nhà nước để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trình tự và thủ tục giao đất, nộp tiền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai..."*; không đúng khoản 5 Điều 30 của Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ: *"Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng hướng dẫn doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đầy đủ trình tự và thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần"*.

- Thửa đất của Viện Luyện kim đen tại huyện Thường Tín, Hà Nội, diện tích 7.823,0 m², VVFC xác định giá trị quyền sử dụng thửa đất trong giá trị doanh nghiệp CPH Vnsteel khi thửa đất chưa được sắp xếp lại là thực hiện không đúng Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; giá trị quyền sử dụng thửa đất 124.992 triệu đồng tính vào giá trị phần vốn nhà nước nhưng không phản ánh phải nộp ngân sách nhà nước là thực hiện không đúng điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và khoản 5, Điều 30 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP.

- Thửa đất tại 736 N Ngô Quang Huy, ấp An Điền, phường Thảo Điền, quận 2, TP. Hồ Chí Minh (Thửa đất tại Phường Thảo Điền), Bộ Tài chính phê duyệt sắp xếp theo hình thức: thống nhất việc Vnsteel chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng chung cư, cao ốc văn phòng kết hợp các dịch vụ thương mại, thể thao văn hóa theo quy hoạch của thành phố với diện tích là 1.362 m² (Văn bản số 14900/BTC-QLCS ngày 9/12/2008), nhưng tại Chứng thư thẩm định giá số 614/CT-ĐG/NV3, VVFC xác định giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.106,6 m², chênh lệch tăng 744,6 m² là thực hiện không đúng Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, VVFC xác định giá trị quyền sử dụng đất (tạm tính) 85.738,62 triệu đồng trong Giá trị doanh nghiệp CPH Vnsteel (phản ánh phải nộp ngân sách nhà nước); tuy nhiên, đến thời điểm chính thức chuyển sang CTCP và thời điểm thanh tra, Vnsteel chưa hoàn thành thủ tục để nộp ngân sách nhà nước, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thực hiện không đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ. 

1.3. Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Vnsteel vào Liên doanh Trung tâm Thương mại Quốc tế (IBC)

Theo Giấy phép đầu tư số 1169/GP ngày 14/3/1995 của Ủy ban nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Công ty Liên doanh Thương mại Quốc Tế (IBC) là Công ty liên doanh giữa Vnsteel với Posco engineering & Construction Co., TID Hàn Quốc để đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại số 34 Lê Duẩn, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, vốn đầu tư là 77.846.590 USD; vốn pháp định là 23.353.977 USD, trong đó, bên Việt Nam góp 40% tương ứng 9.341.591 USD (giá trị quyền sử dụng 6.146 m² đất tại số 34 đường Lê Duẩn, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, thời gian 40 năm là 5.408.480 USD, giá trị tòa nhà trên Thửa đất và tiền Việt Nam quy đổi), bên nước ngoài góp 60% tương ứng 14.012.386 USD. Theo hợp đồng liên doanh, quá trình hoạt động, bên nước ngoài sẽ chuyển nhượng từng phần vốn pháp định của mình cho bên Việt Nam theo giá gốc để đến năm thứ 20 bên Việt Nam 50%, bên nước ngoài 50%; khi kết thúc thời hạn hoạt động liên doanh, toàn bộ tài sản cố định của Liên doanh được chuyển giao không bồi hoàn cho bên Việt Nam. Dự án hoàn thành xây dựng tòa nhà 20 tầng, diện tích sử dụng 57.182 m², đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 1999.

Khi CPH Vnsteel, việc xác định giá trị vốn đầu tư của Vnsteel tại IBC thực hiện theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ (phương pháp tài sản), tại thời điểm 01/01/2010 thì giá trị vốn đầu tư dài hạn của Vnsteel tại IBC được Tư vấn VVFC xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán là 164.439,1 triệu đồng (tăng 60.137,1 triệu đồng so với giá trị sổ sách kế toán); đến thời điểm 30/9/2011, Kiểm toán AASC đánh giá lại là 260.289,6 triệu đồng (so với kết quả xác định để CPH tăng 95.850 triệu đồng).

Theo báo cáo của IBC, lợi nhuận Vnsteel được chia từ 2009-2017 là 25.135.584 USD và 261.978,6 triệu đồng, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu từ năm 2009 đến 2017 so với phần lớn các doanh nghiệp đang niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam là rất cao (bình quân 30,13%), nguyên nhân chính do có lợi thế vị trí kinh doanh thuận lợi; đáng chú ý, khoản đầu tư còn có thỏa thuận khi kết thúc thời hạn hoạt động liên doanh (còn 14 năm sau thời điểm thanh tra), IBC sẽ bàn giao không bồi hoàn toàn bộ tài sản cố định của IBC cho Vnsteel thì lợi ích tương lai thuộc về Vnsteel. Tuy nhiên, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp CPH Vnsteel, quy định hiện hành về việc xác định giá trị các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhất là đối với các trường hợp đầu tư góp vốn bằng quyền sử dụng đất chưa đảm bảo xác định được sát giá thị trường, cấp có thẩm quyền cần bổ sung phù hợp.

Từ thực tế trên, trường hợp SCIC tiến hành thoái vốn tại Vnsteel hoặc Vnsteel thoái vốn tại IBC, thì SCIC cần đề xuất phương pháp tính giá khởi điểm đảm bảo phản ánh đầy đủ giá trị lợi thế kinh doanh, vị trí đất đai và tiềm năng phát triển của Vnsteel trong đó có yếu tố lợi thế của Vnsteel sẽ được nhận lại toàn bộ tài sản Liên doanh không bồi hoàn khi hết thời hạn liên doanh, để tối đa hóa lợi ích nhà nước đầu tư tại Vnsteel.

1.4. Việc quyết toán cổ phần hóa Vnsteel

Vnsteel thực hiện CPH từ ngày 01/01/2010, lập báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng của doanh nghiệp nhà nước từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011 (đã được kiểm toán); phần thuyết minh tại báo cáo tài chính có nội dung: "phải trả về

cổ phần hóa là 583.917 triệu đồng” (gồm cả giá trị vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam mà Vnsteel được bàn giao quản lý trong năm 2010, số tiền 243.193 triệu đồng).

Ngày 18/01/2014, Chủ tịch HĐQT Vnsteel có Văn bản số 73/VNS-TCKT đề nghị Bộ Công Thương thẩm định hồ sơ quyết toán CPH do Vnsteel lập; theo đó, Vnsteel xác định số tiền phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (PTDN) là 111.854,6 triệu đồng, chênh giảm số phải nộp so với số Báo cáo tài chính giai đoạn CPH là 472.062,4 triệu đồng; trong khi hồ sơ quyết toán CPH do Vnsteel lập, trình không có thuyết minh và thiếu tài liệu cơ sở pháp lý xác định giảm lợi nhuận kinh doanh, giảm vốn nhà nước; hầu hết các biểu mẫu kèm theo Bảng xác định số phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và PTDN không có chữ ký của người lập biểu, người có trách nhiệm phê duyệt, có nội dung không căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được AASC kiểm toán. Kiểm tra 04 nội dung theo các mục Vnsteel đề nghị quyết toán giảm vốn nhà nước với tổng số tiền 379.945,8 triệu đồng cho thấy:

Các khoản đề nghị làm giảm lợi nhuận kinh doanh sau thuế giai đoạn CPH gồm: (i) Khoản *“Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá các khoản đầu tư”* số tiền 116.792,1 triệu đồng, (ii) Khoản *“Giảm do đánh giá lại các khoản đầu tư theo lợi nhuận”* số tiền 113.737,4 triệu đồng (tổng số 230.529,5 triệu đồng) là 02 khoản ngoài Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các nội dung này Vnsteel thực hiện không đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính: *“khi lập báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa sang công ty cổ phần, doanh nghiệp thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán (nếu có) đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; nếu ... phát sinh giảm ... thì doanh nghiệp cổ phần hóa được trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán và hạch toán vào chi phí theo quy định hiện hành”*;

Các khoản: (iii) *“Giảm giá trị đầu tư đối với cổ tức được chia từ lợi nhuận trước”* số tiền 96.750,1 triệu đồng và (iv) Khoản giảm giá trị tài sản: *“giảm theo thông báo Ban quản lý dự án cán nguội Thép Phú Mỹ”* số tiền 52.666,2 triệu đồng là các khoản Vnsteel không có đủ tài liệu làm cơ sở chứng minh.

Đến tháng 4/2019, Vnsteel mới nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và PTDN số tiền 111.854,5 triệu đồng.

Như vậy, sau 07 năm (tính đến thời điểm thanh tra tháng 9/2018), Vnsteel chưa hoàn thành việc quyết toán CPH, chưa thực hiện nộp tiền CPH vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và PTDN. Mặc dù việc chậm quyết toán có nguyên nhân khách quan do quy định của nhà nước về CPH thay đổi từ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 sang Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011, dẫn đến phát sinh một số vướng mắc liên quan đến đất đai; tuy nhiên, các khoản phải nộp về CPH số tiền 583.917 triệu đồng (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán thời điểm chính thức chuyển sang cổ phần 30/9/2011) hầu như không liên quan đến vướng mắc đất đai hay sự thay đổi quy định về CPH; do vậy việc Vnsteel chậm nộp tiền về CPH là sai quy định tại khoản 3, Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, nguy cơ tiền phải nộp về CPH bị chiếm dụng trong thời gian dài. Theo đó, khi lập hồ sơ quyết toán CPH, Vnsteel đã trình điều chỉnh giảm vốn nhà nước đồng thời giảm số tiền phải nộp về CPH so với số phải nộp theo báo cáo tài chính thời điểm chính thức chuyển



sang cổ phần số tiền 472.062,4 triệu đồng (chưa được phê duyệt) nhưng hồ sơ thiếu cơ sở pháp lý; trong đó, có 02 khoản hạch toán giảm lợi nhuận sau thuế thời kỳ CPH không nằm trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán số tiền 230.529,5 triệu đồng, sai quy định tại khoản 3, Điều 10 Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính.

Về phân phối kết quả hoạt động SXKD của Vnsteel giai đoạn từ 01/10/2011 đến 30/6/2018, tổng lợi nhuận sau thuế khoảng 876.000 triệu đồng, trong khi cổ đông nhà nước nắm 93,93% vốn điều lệ chưa được chia cổ tức, ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích nhà nước.

Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Vnsteel chưa thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ liên quan đến việc quyết toán CPH và Bộ Công Thương, cơ quan liên quan chưa hoàn thành việc xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý dứt điểm những vướng mắc để phê duyệt quyết toán CPH là thực hiện không đúng quy định tại khoản 5, Điều 10 Thông tư số 127/2014/TT-BTC.

1.5. Việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans) từ Bộ Công Thương sang Vnsteel

Ngày 11/11/2010, Vnsteel có Văn bản số 1267/VNS-TCLĐ gửi Bộ Công Thương về bàn giao việc quản lý vốn nhà nước tại Vinatrans về Vnsteel; ngày 12/11/2010, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 5965/QĐ-BCT về chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Vinatrans sang Vnsteel quản lý; ngày 30/11/2010, Bộ Công Thương ký biên bản chuyển giao toàn bộ quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước 243.193 triệu đồng tại Vinatrans cho Vnsteel (số cổ phần chuyển giao là 24.319.300 cổ phần; mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần).

Việc Vnsteel đề xuất, Bộ Công Thương quyết định chuyển giao toàn bộ quyền đại diện chủ sở hữu Vốn nhà nước 243.193 triệu đồng tại Vinatrans cho Vnsteel trong khi lĩnh vực kinh doanh chính của Vinatrans không cùng ngành nghề kinh doanh chính của Vnsteel và thời điểm giao nhận (ngày 30/11/2010) là sau khi Vnsteel đã xác định, công bố giá trị doanh nghiệp để CPH (01/01/2010) là thực hiện không đúng hình thức CPH nêu tại Phương án CPH Vnsteel đã được Bộ Công Thương phê duyệt, không đúng Điều 4 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ: “1. Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. 2. Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. 3. Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.”; mặt khác, quyền đại diện vốn nhà nước tại Vinatrans sau CPH thuộc đối tượng bàn giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), nhưng Bộ Công Thương lại quyết định giao Vnsteel là thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 47/2007/TT-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính.

Về sử dụng đất đai của Vinatrans theo phương án CPH

Theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp CPH, về đất đai, Vinatrans quản lý sử dụng 07 thửa đất, tổng diện tích 70.258,2 m²; sau CPH 08 năm (tính đến thời điểm

thanh tra), 05 thửa đất⁷ với diện tích 44.513 m² Vinatrans chưa hoàn thành thủ tục thuê đất theo phương án CPH là sai quy định tại Điều 30 Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ; có diện tích đất Vinatrans đã cho thuê là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007, Điều 106 Luật Đất đai năm 2003: “*người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, ... khi có các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; b) Đất không có tranh chấp ... d) Trong thời hạn sử dụng đất*” và Điều 168 Luật Đất đai 2013: “*người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, ... khi có giấy chứng nhận...*”.

1.6. Về thoái vốn nhà nước tại Vnsteel

Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2018, Bộ Công Thương phải thoái vốn nhà nước tại Vnsteel 57,92% vốn điều lệ. Tuy nhiên, đến thời điểm thanh tra, Bộ Công Thương và Vnsteel chưa thoái được vốn theo đúng Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Vốn nhà nước tại Vnsteel vẫn còn 93,93%).

2. Tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

2.1. Về thực hiện nhiệm vụ CPH của PVN

Căn cứ Đề án tái cơ cấu PVN giai đoạn 2012 - 2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định: số 46/QĐ-TTg ngày 5/01/2013, số 1011/QĐ-TTg ngày 3/7/2015 về điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012-2015 và Công văn số 1182/TTg- ĐMDN ngày 11/8/2017 về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thuộc PVN thực hiện sắp xếp, CPH, thoái vốn giai đoạn 2017 - 2020; theo đó, PVN phải thực hiện CPH 05 đơn vị gồm: Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau; Tổng công ty Dầu Việt Nam; Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn; Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất.

Đến thời điểm kiểm tra, PVN đã CPH được 04/05 doanh nghiệp gồm: Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau; Tổng công ty Dầu Việt Nam; Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn; chưa CPH được Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất do kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty thời điểm 31/12/2013 lỗ, âm vốn chủ sở hữu 1.184.000 triệu đồng, không đủ điều kiện để CPH theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ: “*điều kiện cổ phần hóa ... b) Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và đánh giá lại giá trị doanh nghiệp*”. Như vậy, việc PVN lập, trình để được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CPH Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất trong đề án tái cơ cấu PVN khi Công ty không đảm bảo đủ điều kiện để CPH là thực hiện không đúng quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ; hiện nay PVN đang thực hiện xử lý theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả ngành Công Thương.

⁷ Số 406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TPHCM 2.579 m²; Số 102C Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TPHCM 611 m²; Ấp 3, Phường Phú Thuận, Quận 7, TPHCM 39.306 m²; Số 1531 Phạm Thế Hiển, Quận 8, TPHCM 60 m²; Số 1650-1652 Phạm Thế Hiển, Quận 8, TPHCM 1.957m².

2.2. Một số nội dung CPH tại Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn thuộc PVN

Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) thực hiện CPH theo Quyết định số 2665/QĐ-DKVN ngày 06/11/2015 của Hội đồng thành viên PVN, Liên danh BSC - UHY ACA thực hiện tư vấn XĐGTDN. Trên cơ sở kết quả và kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (xác định giá trị thực tế doanh nghiệp tăng so với tư vấn là 5.359.897 triệu đồng, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tăng 4.586.548 triệu đồng), Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1938/QĐ-BCT ngày 31/5/2017 phê duyệt giá trị doanh nghiệp BSR để CPH thời điểm 31/12/2015 là 72.879.914 triệu đồng, trong đó, giá trị phần vốn nhà nước là 44.934.562 triệu đồng.

Phương án CPH BSR được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08/12/2017; theo đó, vốn điều lệ là 31.004.996 triệu đồng, PVN nắm giữ 1.333.214.835 cổ phần (chiếm 43% vốn điều lệ), bán đấu giá công khai 241.556.969 cổ phần (chiếm 7,79% vốn điều lệ), bán cho nhà đầu tư chiến lược 1.519.244.812 cổ phần (chiếm 49,00% vốn điều lệ). Việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược không được, cơ cấu vốn điều lệ được điều chỉnh, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 31.004.996 triệu đồng, PVN nắm giữ 2.856.380.247 cổ phần (chiếm 92,12% vốn điều lệ), bán đấu giá công khai qua sàn chứng khoán HSX là 241.427.969 cổ phần (chiếm 7,79% vốn điều lệ), bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên 2.691.400 cổ phần (chiếm 0,09% vốn điều lệ). BSR chính thức chuyển hoạt động sang CTCP từ ngày 01/7/2018.

Kiểm tra việc trích lập Quỹ phát triển Khoa học công nghệ và việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi CPH BSR, cụ thể:

- Về việc trích lập Quỹ khoa học công nghệ (KHCCN)

Trên cơ sở Luật Khoa học công nghệ số 21/2000/QH10 và quy định liên quan, BSR đã trích lập, sử dụng Quỹ KHCCN từ năm 2014 đến năm 2017 như sau:

Năm 2014, BSR không trích Quỹ KHCCN do trong năm không có lợi nhuận; số chi quỹ trong năm 2014 là 4.107 triệu đồng từ nguồn Quỹ KHCCN trích năm 2010.

Năm 2015, BSR trích với tỷ lệ tối đa 10% theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9/02/2011 của Bộ Tài chính: "...doanh nghiệp tự quyết định mức trích cụ thể nhưng tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế trong kỳ", số tiền trích tương ứng là 640.000 triệu đồng; số chi Quỹ KHCCN trong năm là 5.835 triệu đồng, bằng 0,9% trên số tiền trích Quỹ.

Năm 2016, BSR trích tối đa với mức 10% theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính (khung quy định từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp), số tiền trích tương ứng là 545.000 triệu đồng; số chi Quỹ KHCCN trong năm là 1.706 triệu đồng, bằng 0,31% trên số tiền trích Quỹ và Năm 2017, trích tối thiểu với mức 3% tương ứng với số tiền là 256.053 triệu đồng; chi Quỹ KHCCN trong năm là 13.523 triệu đồng, bằng 5,28% số tiền trích Quỹ.

Tổng số Quỹ KHCCN BSR trích từ năm 2015 đến 2017 là 1.441.050 triệu đồng, trong khi số chi sử dụng Quỹ chỉ là 21.064 triệu đồng, bằng 1,46% số tiền đã trích (chiếm tỷ lệ 0,1% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp); số dư Quỹ

B

KHCN chuyển sang đầu kỳ năm 2018 là 1.428.982 triệu đồng (gồm cả dư quỹ từ trước 2014).

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính, điểm a khoản 1 Điều 4 quy định nguồn hình thành Quỹ KHCN: "... Từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ để lập Quỹ đối với doanh nghiệp nhà nước. Tỷ lệ trích cụ thể căn cứ vào khả năng và nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước". Thực tế, BSR sử dụng Quỹ KHCN từ 2015 đến 2017 chỉ bằng 0,1% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp, nhu cầu sử dụng thực tế là rất thấp so với mức trích, nhưng năm 2016 BSR vẫn trích mức tối đa 10% (trong khung từ 3% đến 10%) là thực hiện không đúng điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 nêu trên.

Như vậy, năm 2016 BSR chỉ được trích Quỹ KHCN mức 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng số tiền là 163.636 triệu đồng, nhưng BSR đã trích mức tối đa (10%) với số tiền là 545.000 triệu đồng, vượt quy định 381.364 triệu đồng, theo đó, lợi nhuận doanh nghiệp trước thuế năm 2016 của BSR giảm tương ứng là 381.364 triệu đồng. BSR có trách nhiệm quyết toán nộp về PVN để PVN quyết toán nộp ngân sách nhà nước theo Điều 4 Chương II Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/4/2016 của Bộ Tài chính số tiền 362.300 triệu đồng (tạm tính), BSR kê khai nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 số tiền là 19.060 triệu đồng (tạm tính theo mức thuế suất ưu đãi 5%). Nếu số tiền trích lập quỹ BSR sử dụng không hết 70% trong thời hạn 5 năm kể từ năm trích lập, BSR có trách nhiệm xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phương án xử lý theo đúng quy định tại khoản 7, Điều 14 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 giữa Bộ Khoa học và công nghệ và Bộ Tài chính.

- Về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi CPH BSR

Theo phương án CPH BSR được phê duyệt, cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 1.519.244.812 CP, chiếm 49,00% vốn điều lệ. BSR đã xây dựng tiêu chí nhà đầu tư chiến lược và được phê duyệt trong phương án CPH, nội dung đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ, cụ thể là: yêu cầu có đủ tư cách pháp nhân, có năng lực tài chính, có cam kết về duy trì ngành nghề kinh doanh, không chuyển nhượng cổ phần được mua trong thời hạn 05 năm, hỗ trợ doanh nghiệp sau CPH trong việc chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, ưu tiên các nhà đầu tư chiến lược có kinh nghiệm trong vận hành nhà máy lọc dầu... Tuy nhiên, khi thực hiện CPH, BSR không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược nào; Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ, tăng tỷ lệ vốn nhà nước tương ứng.

2.3. Một số nội dung CPH Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)

Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) thực hiện CPH theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành CTCP và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định; ngày 11/02/2014, Hội đồng thành viên (HĐTV) PVN ban hành Quyết định số

310/QĐ-DKVN về việc CPH PVCFC; Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) thực hiện tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp; ngày 31/12/2014, HĐQT PVN ban hành Quyết định số 5963/QĐ-DKVN phê duyệt giá trị doanh nghiệp PVCFC thời điểm 01/01/2014 để CPH, giá trị thực tế doanh nghiệp là 15.422.755 triệu đồng, trong đó giá trị lợi thế kinh doanh là 136.962 triệu đồng (gồm tiềm năng phát triển 92.967 triệu đồng và giá trị thương hiệu 43.995 triệu đồng), giá trị phần vốn nhà nước tại PVCFC là 4.608.372 triệu đồng.

Trong tổng tài sản PVCFC theo sổ sách kế toán, giá trị Nhà máy chính chiếm 95% giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình; thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để CPH là sau khi nhà máy Đạm Cà Mau hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào vận hành chưa quá 3 năm, nên việc xác định giá trị Nhà máy sử dụng giá trị quyết toán công trình theo điểm a khoản 1.2 Điều 18 Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính.

Ngày 24/10/2014, HĐQT PVN ban hành Quyết định số 2341/QĐ-DKVN phê duyệt Phương án cổ phần hóa PVCFC, vốn điều lệ là 5.294.000 triệu đồng (529.400.000 cổ phần), trong đó nhà nước nắm giữ 269.994.000 cổ phần (chiếm 51% vốn điều lệ), bán cho nhà đầu tư chiến lược 128.951.300 cổ phần (chiếm 24,36% vốn điều lệ), bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư thông thường là 128.951.300 cổ phần (chiếm 24,36% vốn điều lệ), giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần là 12.000 đồng/cổ phần. Kết quả bán đấu giá thành công cho các nhà đầu tư thông thường là 128.928.243 cổ phần (chiếm 24,35% vốn điều lệ), giá bình quân 12.251 đồng/cổ phần, bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên 448.700 cổ phần (chiếm 0,08% vốn điều lệ), vốn nhà nước nắm giữ tại CTCP là 400.023.057 cổ phần (chiếm 75,56% vốn điều lệ). PVCFC chính thức chuyển hoạt động sang CTCP từ ngày 14/01/2015.

Kiểm tra một số nội dung trong việc cổ phần hóa PVCFC: i) khoản chênh lệch tỷ giá; ii) giá trị tiềm năng phát triển; ii) quyết toán CPH, cụ thể như sau:

- Về giá trị tiềm năng phát triển của doanh nghiệp trong giá trị doanh nghiệp CPH PVCFC

* Việc tính tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu và xác định Giá trị tiềm năng phát triển:

Theo quy định tại khoản 7 Điều 18 Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính, Giá trị tiềm năng phát triển tính bằng Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ kế toán tại thời điểm định giá nhân (x) với hiệu số giữa Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 3 năm trước thời điểm XĐGTDN với Lãi suất của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm gần nhất với thời điểm XĐGTDN.

Theo số liệu Báo cáo tài chính của PVCFC đã được kiểm toán 03 năm trước thời điểm XĐGTDN (năm 2011, 2012, 2013), VCSC tính giá trị phần vốn nhà nước tại PVCFC thời điểm 31/12/2013 là 3.198.074,2 triệu đồng, Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 3 năm giai đoạn 2011-2013 là 11,4%, Lãi suất của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm gần nhất với thời điểm XĐGTDN là 8,5%, Giá trị tiềm năng phát triển xác định là 92.967,3 triệu đồng. 

Kiểm tra cho thấy, VCSC tính chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 3 năm giai đoạn 2011-2013 của PVCFC bằng cách tính tỷ lệ riêng từng năm từ 2011 đến 2013 sau đó bình quân lại cho kết quả 11,4%; tính như vậy không đúng công thức tính bình quân 3 năm quy định tại khoản 7 Điều 18 Thông tư số 202/2011/TT-BTC; trên cơ sở số liệu các chỉ tiêu làm căn cứ tính không đổi, Thanh tra Chính phủ tính theo đúng công thức quy định cho kết quả là 19,57%, chênh tăng 8,17%; theo đó, kết quả xác định lại giá trị tiềm năng phát triển của PVCFC là 354.026,8 triệu đồng, tăng 261.059,5 triệu đồng. Như vậy, VCSC đã xác định Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 03 năm (2011-2013) của PVCFC sai công thức quy định tại khoản 7 Điều 18 Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính dẫn đến thiếu giá trị tiềm năng phát triển của PVCFC là 261.059,5 triệu đồng, đồng thời thiếu giá trị phần vốn nhà nước tại PVCFC thời điểm CPH 01/01/2014 tương ứng là 261.059,5 triệu đồng.

** Những bất cập khi xác định giá trị tiềm năng phát triển PVCFC theo quy định tại khoản 7 Điều 18 Thông tư số 202/2011/TT-BTC:*

Thực tế quá trình hoạt động SXKD của Nhà máy Đạm Cà Mau thuộc PVCFC trước CPH được điều tiết giá khí theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2732/VPCP-KTN ngày 29/4/2011 của Văn phòng Chính phủ... Tại Văn bản số 617/BCT-TCNL ngày 01/10/2014 của Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ có nêu nội dung: "...*giá trị điều tiết giá khí hàng năm cho Nhà máy đạm Cà Mau...: năm 2012 là 499,9 tỷ đồng; năm 2013 là 628 tỷ đồng*".

Qua kết quả xác định lại theo quy định thì Giá trị tiềm năng phát triển PVCFC là 354.026,8 triệu đồng, tăng thêm so với kết quả do VCSC xác định giá trị doanh nghiệp CPH PVCFC là 261.059,5 triệu đồng. Căn cứ báo cáo giải trình (kèm tài liệu) của Bộ Công Thương, PVN, PVCFC cung cấp bổ sung (sau khi kết thúc thanh tra trực tiếp), cho thấy hoạt động kinh doanh của PVCFC có yếu tố đặc thù là được hưởng ưu đãi chính sách điều tiết giá khí của Chính phủ thấp hơn giá khí thị trường giai đoạn từ năm 2012 đến hết 2018; các năm 2012 và 2013 PVCFC được hưởng ưu đãi giá khí hàng trăm tỷ đồng, yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị tiềm năng phát triển của PVCFC nhưng khi xác định giá trị PVCFC để CPH chưa được đề cập do Nhà nước chưa có quy định. Theo đó, PVN có trách nhiệm trình Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính xử lý theo trường hợp đặc thù để hoàn thành việc quyết toán vốn nhà nước khi cổ phần hóa PVCFC.

- Việc xử lý tài chính đối với khoản lãi chênh lệch tỷ giá khi lập báo cáo tài chính từ thời điểm CPH đến thời điểm đăng ký kinh doanh chuyển sang Công ty cổ phần

Khi PVN bàn giao Nhà máy Đạm Cà Mau sang PVCFC (Quyết định số 4027/QĐ-DKVN ngày 25/5/2012) không có danh mục tài sản và vốn chi tiết (không có chi tiết chênh lệch tỷ giá), ngày 25/3/2014, PVN ban hành Quyết định số 1989/QĐ-DKVN phê duyệt quyết toán Dự án hoàn thành Nhà máy sản xuất đạm Cà Mau, trong đó có chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá 79.892,3 triệu đồng (lãi).

Theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ: "*các khoản ...; khoản chênh lệch tỷ giá được sử dụng để*

bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa."

PVCFC đã lập báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) cho kỳ hoạt động từ thời điểm cổ phần hóa PVCFC ngày 01/01/2014 đến 14/01/2015 để quyết toán vốn nhà nước; khoản chênh lệch tỷ giá 79.892,3 PVCFC đã phân bổ vào kết quả kinh doanh ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính năm 2014 (từ 01/01/2014 - 31/12/2014) số tiền 26.630,7 triệu đồng, phân bổ hết số còn lại vào năm 2015 (của CTCP từ ngày 15/01/2015 - 31/12/2015) số tiền 53.261,6 triệu đồng, chưa được xử lý ghi tăng vốn nhà nước khi cổ phần hóa PVCFC tại thời điểm XĐGTDN cổ phần hóa PVCFC ngày 01/01/2014 là thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ. Như vậy, PVCFC hạch toán thiếu vốn nhà nước để CPH PVCFC số tiền 79.892,3 triệu đồng. Ngày 24/8/2021, tại Quyết định số 4825/QĐ-DKVN về việc xác định giá trị doanh nghiệp và phê duyệt quyết toán công tác CPH của PVCFC thời điểm chuyển sang CTCP 0h ngày 15/01/2015, PVN đã xử lý theo kết quả thanh tra ghi tăng giá trị phần vốn nhà nước là 79.892,3 triệu đồng.

- Về chi phí cổ phần hóa PVCFC

Theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính: "... Tổng mức chi phí tối đa được xác định theo giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán cụ thể như sau: ... Không quá 500 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị trên 100 tỷ đồng."

Ngày 14/4/2014, PVN có Văn bản số 965/QĐ-DKVN Phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa PVCFC là 2.777 triệu đồng, PVCFC đã thực hiện chi và lập quyết toán chi phí CPH là 2.570 triệu đồng, đến thời điểm thanh tra PVN chưa phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa PVCFC. Như vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính thì PVN đã phê duyệt dự toán chi phí CPH PVCFC vượt 2.277,5 triệu đồng và PVCFC thực hiện chi phí vượt định mức 2.070 triệu đồng.

Tuy nhiên, qua kiểm tra thấy: thực tế PVCFC đã phải thuê Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện đấu giá cổ phần lần đầu với chi phí 300 triệu đồng (số tiền này cơ quan nhà nước thu), nếu thực hiện theo định mức quy định tại Thông tư số 196/2011/TT-BTC, số tiền còn lại 200 triệu đồng để thực hiện các bước cổ phần hóa PVCFC có quy mô tài sản lớn (14.215 tỷ đồng hầu hết là tài sản hữu hình) là khó khả thi; mặt khác, khi Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 thì chi phí thực hiện CPH đã không còn quy định theo định mức cố định như trước nữa.

- Về việc phê duyệt quyết toán vốn nhà nước, xác định tiền CPH nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại PVN.

PVCFC lập Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ thời điểm CPH ngày 01/01/2014 đến 14/01/2015 (ký ngày 18/4/2017, đã được kiểm toán) trình PVN quyết toán vốn nhà nước làm cơ sở bàn giao PVCFC sang CTCP... Theo đó, xác định nộp tiền thu từ CPH về PVN là 1.581.079 triệu đồng.

Hội đồng thành viên PVN ban hành Quyết định số 379/QĐ-DKVN ngày 21/01/2016 thành lập Tổ thẩm tra quyết toán cổ phần hóa PVCFC; tuy nhiên, đến thời điểm thanh tra, PVN chưa hoàn thành quyết toán CPH PVCFC (chậm 03 năm

03 tháng) là thực hiện không đúng quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ và khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 15/9/2014 của Bộ Tài chính.

2.4. Về việc thoái vốn của PVN

Theo Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 05/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án Đề án tái cơ cấu PVN giai đoạn 2012-2015, PVN phải thoái vốn tại 11 đơn vị; trong đó: thoái giảm vốn tại 06 doanh nghiệp⁸; thoái hết vốn tại 05 doanh nghiệp⁹;

Theo báo cáo của PVN, đến thời điểm thanh tra, đối với nhiệm vụ thoái giảm vốn, PVN chỉ thực hiện thoái được vốn tại 02/06 doanh nghiệp là: tổng CTCP Vận tải Dầu khí thoái được 189.475 triệu đồng, tương ứng 6,82% vốn đầu tư (giảm từ 57,82 % xuống còn 51% vốn điều lệ); tại Công ty cổ phần PVI thoái được 11.710 triệu đồng tương ứng 4,05% (giảm từ 39,05% xuống 35% vốn điều lệ). Đối với nhiệm vụ thoái toàn bộ vốn tại 05 doanh nghiệp, PVN thoái vốn được 02 đơn vị là Công ty TNHH MTV khu công nghiệp Lai Vu (chuyển giao nguyên trạng về UBND tỉnh Hải Dương) và vốn đầu tư của PVN tại Ngân hàng Đại Dương 800.000 triệu đồng đã được Ngân hàng Nhà nước xử lý xong.

Như vậy, PVN không hoàn thành nhiệm vụ thoái vốn tại doanh nghiệp; trong đó, thoái giảm vốn không đạt tỷ lệ tại 01 doanh nghiệp và chưa thực hiện thoái vốn tại 07 doanh nghiệp theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 05/01/2013.

3. Tại Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM)

VEAM thực hiện CPH theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30/5/2014 của Bộ Công Thương, theo đó Công ty mẹ - VEAM CPH đồng thời cùng các đơn vị thành viên 100% vốn nhà nước; Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam thực hiện tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp; ngày 01/6/2015, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 5316/QĐ-BCT xác định giá trị doanh nghiệp VEAM để CPH; giá trị thực tế doanh nghiệp VEAM là 13.424.713 triệu đồng, giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 13.288.507 triệu đồng.

Ngày 05/4/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 562/QĐ-TTg phê duyệt Phương án CPH VEAM; vốn điều lệ 13.288.000 triệu đồng, nhà nước nắm giữ 677.688.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ; bán đấu giá công khai 167.074.900 cổ phần, tương ứng 12,57% vốn điều lệ; bán cho nhà đầu tư chiến lược 478.368.000 cổ phần, tương ứng 36,00% vốn điều lệ, bán cổ phần ưu đãi cho người lao động

⁸ Tổng CTCP Vận tải Dầu khí giảm từ 57,82% xuống tối thiểu 36%; Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam – CTCP giảm từ 41% xuống tối thiểu 36%; Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam giảm từ 54,54% xuống tối thiểu 36%; CTCP Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí giảm từ 56% xuống tối thiểu 36%; CTCP PVI giảm từ 39,05% xuống 35%; Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP giảm từ 61,37% xuống 51%.

⁹ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khu Công nghiệp Lai Vu, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương, CTCP Phát triển Đông Dương Xanh, CTCP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng CTCP Dịch vụ tổng hợp Dầu khí. 

5.669.100 CP tương ứng 0,43% vốn điều lệ. VEAM chính thức chuyển sang hoạt động CTCP từ ngày 24/01/2017.

Về tình hình thanh tra, kiểm tra đối với VEAM: Bộ Công Thương đã tiến hành thanh tra công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản, tình hình hoạt động SXKD, dịch vụ, công tác tổ chức cán bộ của VEAM (Quyết định số 3043/QĐ-BCT ngày 27/8/2018); Ngày 08/5/2019, Bộ Công Thương ban hành kết luận thanh tra số 3202 /KL-BCT, trong đó đã kiến nghị chuyển Bộ Công an làm rõ và xử lý trách nhiệm đối với các vụ việc có dấu hiệu vi phạm liên quan đến hoạt động SXKD, quản lý sử dụng đất đai, trong đó có nội dung Thanh tra Chính phủ đã kiểm tra và ghi nhận tại Biên bản làm việc với VEAM ngày 18/9/2018 (Diện tích đất chưa có đủ hồ sơ pháp lý về đất đai, chưa có hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công tại tỉnh Thái Nguyên... là 1.224 m² và cơ sở nhà đất tại số 70 Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh là 94 m²).

Thanh tra Chính phủ kiểm tra một số nội dung về: xử lý tài chính, phương án sử dụng đất đai khi CPH, việc bán cổ phần, kết quả như sau:

3.1. Một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa VEAM

3.1.1. Xử lý các khoản công nợ

** Việc đối chiếu công nợ*

- Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp CPH VEAM (01/7/2014): tổng số nợ phải thu là 2.595.544,8 triệu đồng, (trong đó nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm là 1.404.294,7 triệu đồng, nợ phải thu quá hạn trên 01 năm là 30.948,6 triệu đồng, nợ phải thu quá hạn trên 02 năm là 7.858,3 triệu đồng, nợ phải thu quá hạn trên 03 năm là 941.710,6 triệu đồng, nợ phải thu khó đòi là 210.135,2 triệu đồng); số nợ phải thu đã có đối chiếu là 2.558.614,7 triệu đồng, số nợ phải thu chưa đối chiếu là 36.930 triệu đồng. Tổng số nợ phải trả là 125.942,9 triệu đồng, số nợ phải trả đã có đối chiếu là 120.268,1 triệu đồng, số nợ phải trả chưa đối chiếu là 5.674,8 triệu đồng. Tổng nợ phải thu chưa có đối chiếu của 05 Công ty con¹⁰ (VEAM nắm 100% vốn điều lệ) là 19.240 triệu đồng.

Như vậy, việc VEAM và 05 Công ty con 100% vốn VEAM chưa đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải trả là thực hiện chưa đúng quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP "Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải thu (bao gồm các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn), đồng thời thực hiện thu hồi các khoản nợ đến hạn trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa" và khoản 1 Điều 16 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP: "doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải trả (bao gồm các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn) trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa".

¹⁰ Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo, Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam, Viện Công nghệ.

- Tại thời điểm chính thức chuyển thành CTCP (23/01/2017): tổng công nợ phải thu theo giá trị sổ sách là 1.978.828,9 triệu đồng, trong đó số đã đối chiếu được là 1.901.762,5 triệu đồng, chưa đối chiếu được là 77.066,4 triệu đồng; các khoản phải trả là 4.006.825,4 triệu đồng, số đã đối chiếu là 3.866.753,5 triệu đồng, số chưa đối chiếu là 140.071,8 triệu đồng, nợ phải trả không tìm được địa chỉ hoặc không liên hệ được với khách hàng là 3.219,3 triệu đồng.

Như vậy, các khoản công nợ phải thu, phải trả (thời điểm chính thức chuyển thành CTCP 23/01/2017) VEAM chưa đối chiếu đầy đủ là vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP và quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 127/2014/TT-BTC. Đối với khoản nợ phải trả, doanh nghiệp đã làm các thủ tục để được đối chiếu nợ nhưng không xác nhận được chủ nợ số tiền 3.219,3 triệu đồng thì hạch toán tăng vốn nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị định số 189/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

* Việc xử lý các khoản phải thu đối với các Công ty thành viên do VEAM đã cho vay hỗ trợ vốn:

Thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-VEAM/HĐTV ngày 29/02/2012 của Hội đồng thành viên VEAM về việc hỗ trợ vốn năm 2012 cho các đơn vị thành viên vay để ổn định sản xuất: *tối đa không quá 01 năm kể từ ngày giải ngân (đối với các đơn vị sản xuất); tối đa không quá 01 quý kể từ ngày giải ngân (đối với đơn vị kinh doanh thương mại); giải ngân tiền hỗ trợ khi có hợp đồng hỗ trợ vốn và Phương án kinh doanh an toàn, có hiệu quả....*; VEAM đã hỗ trợ cho các Công ty con, Công ty liên kết vay vốn và hạch toán là *các khoản phải thu dài hạn khác*. Tuy nhiên, có trường hợp VEAM hỗ trợ vốn nhưng không có hợp đồng cho vay, không có phương án kinh doanh cụ thể (chỉ có giấy nhận nợ vay)¹¹; cho vay không đúng mục đích như: Công ty cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ (Matexim), vay vốn lưu động sản xuất, kinh doanh nhưng sau đó chuyển thành vốn trung dài hạn để đầu tư xây dựng Nhà máy sắt xộp tại Khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (250.000 triệu đồng); miễn giảm lãi vay thiếu cơ sở (giảm lãi cho Công ty cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ, Matexim Hải Phòng; miễn lãi cho Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, Công ty cổ phần Cơ khí Cổ Loa...). Toàn bộ số tiền các đơn vị thành viên vay nhưng không trả được nợ đều chưa được VEAM tính lãi vay quá hạn¹². Theo báo cáo của VEAM, tính đến ngày 23/01/2017, VEAM đã thu hồi được một số khoản công nợ như: Công ty cổ phần Matexim Hải Phòng giảm từ 125.000 triệu đồng còn 97.700 triệu đồng, Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM từ 79.300 triệu đồng còn 72.700 triệu đồng; nhiều khoản nợ cho vay lớn chưa thu hồi được, cụ thể: 05

¹¹ Một số khoản vay của Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM, Công ty cổ phần Matexim Hải phòng...

¹² Công ty cổ phần Vận tải & Thương mại VEAM, Công ty cổ phần Vật tư và thiết bị toàn bộ, Công ty cổ phần Matexim Hải Phòng... *B*

đơn vị thành viên vay số tiền là 622.556,1 triệu đồng¹³; các đơn vị này đều gặp khó khăn trong việc trả nợ, nguy cơ thất thoát vốn của VEAM.

VEAM chưa hạch toán thu tiền lãi vay giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/6/2014 đối với 02 Công ty số tiền 3.634 triệu đồng¹⁴; giai đoạn từ 01/7/2014 đến 31/12/2014 đối với 05 đơn vị số tiền là 5.680 triệu đồng¹⁵; theo đó, lợi nhuận kinh doanh trước thuế giảm số tiền là 9.314 triệu đồng, dẫn đến phần vốn của chủ sở hữu tại VEAM xác định thiếu 7.192 triệu đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp tính nộp ngân sách nhà nước thiếu 2.122 triệu đồng.

Như vậy, VEAM thực hiện không đúng việc xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp để CPH, tồn tại nhiều khoản công nợ phải thu quá hạn, khó đòi chưa được xử lý; trong đó, nợ quá hạn dưới 01 năm là 1.404.294,7 triệu đồng; nợ quá hạn trên 01 năm là 30.948,6 triệu đồng; nợ quá hạn trên 2 năm là 7.858,3 triệu đồng; nợ quá hạn trên 03 năm là 941.710,6 triệu đồng; nợ khó đòi là 210.135,2 triệu đồng; thời điểm chuyển sang CTCP, nợ phải thu khó đòi chưa được xử lý là 174.499,5 triệu đồng. VEAM cho các công ty thành viên vay, hỗ trợ vốn không quy định chặt chẽ về điều kiện, thủ tục vay; nhiều trường hợp vay không có phương án sử dụng vốn hiệu quả, không có hợp đồng, dẫn đến không thu hồi được, nợ tồn đọng lớn, kéo dài; đến thời điểm thanh tra, còn 05 đơn vị nợ quá hạn số tiền 622.556,1 triệu đồng và đang gặp khó khăn trong việc trả nợ, nguy cơ thất thoát lớn vốn của VEAM. Mặt khác, VEAM tính lãi, miễn lãi cho các đơn vị vay thiếu cơ sở, giảm lãi suất vay thấp hơn lãi suất tiền gửi cùng kỳ hạn của ngân hàng là không đúng quy định khoản 1 Điều 15 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ, Nghị quyết số 01/NQ-VEAM/HĐTV ngày 29/02/2012 của HĐTV và Quy chế quản lý tài chính của VEAM. Liên quan đến VEAM, ngày 18/4/2022, Bộ Công an có Văn bản số 1256/BCA-CSKT tham gia ý kiến đối với nội dung dự thảo Kết luận thanh tra trong đó, Bộ Công an ý kiến: *vụ việc liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại VEAM đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an tiến hành điều tra từ năm 2018, đến nay đã khởi tố đối với 08 vụ việc sai phạm, sau khi nhập tổng cộng có 04 vụ án, với tổng số 33 bị can... Vì vậy, Bộ Công an thấy kiến nghị của Thanh tra Chính phủ như nêu trong dự thảo Kết luận thanh tra là không phù hợp với tình hình thực tế hiện nay”*.

3.1.2. Về xử lý các khoản lỗ lũy kế tại các Công ty con, Công ty liên kết ... khi xác định giá trị doanh nghiệp VEAM để CPH

Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/6/2014, tổng số lỗ lũy kế tại các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn của Công ty mẹ là 230.760 triệu

¹³ Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM là 148.711 triệu đồng, Công ty cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ (Matexim) số tiền 330.123,1 triệu đồng, Công ty CP Matexim Hải phòng số tiền 120.733,5 triệu đồng, Công ty CP cơ khí Cổ Loa số tiền 12.676,2 triệu đồng, Công ty CP cơ khí Vinh số tiền 10.312,1 triệu đồng.

¹⁴ Công ty Máy kéo và Máy nông nghiệp số tiền 3.313,7 triệu đồng; Công ty cổ phần Vận tải & Thương mại VEAM số tiền 321,2 triệu đồng.

¹⁵ Công ty Máy kéo và Máy nông nghiệp số tiền là 765,6 triệu đồng; Công ty cổ phần Vận tải & Thương mại VEAM số tiền 3.094,8 triệu đồng; Công ty Matexim Hải Phòng số tiền 1.346,9 triệu đồng, Công ty cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Matexim Hà Nội) số tiền 374,1 triệu đồng, Viện Công nghệ số tiền 98,9 triệu đồng.

đồng¹⁶. Theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ, khoản 4 Điều 21: "... Trường hợp phát sinh chênh lệch giảm thì doanh nghiệp CPH có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án CPH để phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, làm rõ nguyên nhân, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân và xử lý ...". Các khoản lỗ này VEAM đã báo cáo Bộ Công Thương nhưng đến thời điểm chuyển sang CTCP (23/01/2017) chưa được Bộ Công Thương và VEAM xử lý để xác định trách nhiệm tập thể cá nhân liên quan và xác định đúng giá trị doanh nghiệp CPH VEAM. Như vậy, VEAM và Bộ Công Thương không thực hiện xử lý khoản lỗ lũy kế 230.760 triệu đồng tại các Công ty con, Công ty liên kết là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ.

3.1.3. Về việc xác định giá trị phân vốn đầu tư của VEAM tại CTCP Vật tư & Thiết bị toàn bộ và Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công khi xác định giá trị doanh nghiệp VEAM để CPH

Khi xác định giá trị doanh nghiệp VEAM để CPH, Tư vấn - Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam đã xác định giá trị khoản đầu tư của VEAM tại CTCP Vật tư & Thiết bị toàn bộ (Matexim Hà Nội) trên cơ sở vốn chủ sở hữu tính theo số liệu báo cáo tài chính của Matexim Hà Nội thời điểm 31/12/2013 là 240.423,9 triệu đồng (trong đó giá trị đầu tư của VEAM là 122.616 triệu đồng - 51%). Tuy nhiên, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp CPH VEAM là 01/7/2014 (không phải 31/12/2013) thì vốn chủ sở hữu của Matexim Hà Nội là 246.468 triệu đồng, theo đó giá trị đầu tư của VEAM tại Matexim Hà Nội là 125.699 triệu đồng, tăng 3.082,9 triệu đồng. Tương tự đối với khoản đầu tư của VEAM tại Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (Disoco), giá trị đầu tư dài hạn của VEAM tăng 149 triệu đồng.

Như vậy, việc Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam xác định giá trị 02 khoản đầu tư góp vốn của VEAM tại Matexim Hà Nội và Disoco trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính của 02 công ty nhận vốn góp không trùng đúng thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp CPH VEAM, làm giảm giá trị doanh nghiệp VEAM 3.231 triệu đồng; theo đó, Ban chỉ đạo CPH VEAM thẩm tra, trình Bộ Công Thương đã phê duyệt giá trị doanh nghiệp CPH VEAM giảm 3.231 triệu đồng.

3.1.4. Việc xác định giá trị bất động sản trong giá trị doanh nghiệp CPH

- Ngày 29/9/2014, VEAM có Văn bản số 319/CV-VEAM/VPTH gửi UBND tỉnh Nghệ An v/v đề nghị phương án sử dụng nhà, đất tại Nghệ An khi CPH VEAM; trong khi UBND tỉnh Nghệ An chưa có quyết định giá đất cụ thể, Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam đã căn cứ theo giá trị hạch toán sổ

¹⁶ Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (vốn góp 100%), số lỗ 53.462,2 triệu đồng; Công ty TNHH MTV Trần Hưng Đạo (vốn góp 100%), số lỗ 97.863,6 triệu đồng; Viện Công nghệ (vốn góp 100%), số lỗ 20.518,3 triệu đồng; Công ty Veam - Korea (vốn góp 89%), số lỗ trên vốn góp là 5.560,2 triệu đồng; Công ty Liên doanh Auto Mekong (vốn góp 18%), số lỗ trên vốn góp là 39.600 triệu đồng; CTCP Cơ khí Vinh (vốn góp 49%), số lỗ trên vốn góp là 1.757,8 triệu đồng; CTCP Matexim Hải Phòng (vốn góp 19,46%), số lỗ trên vốn góp là 8.778,2 triệu đồng; Công ty CP Cơ khí Cổ Loa (vốn góp 53,66%), số lỗ trên vốn góp là 3.219,6 triệu đồng. 

sách của VEAM để xác định giá trị quyền sử dụng 8.732,7 m² đất vào giá trị doanh nghiệp CPH là 32.719,9 triệu đồng.

Đối với cơ sở đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 84,8 m², Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam đã căn cứ Văn bản số 7935/TB-HĐTĐG ngày 04/9/2014 của Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh (thông báo giá trị quyền sử dụng lô đất là 10.262 triệu đồng, đơn giá 122.609.753 đồng/m²) để xác định giá trị quyền sử dụng 84,8 m² đất vào giá trị doanh nghiệp CPH VEAM với giá trị là 10.262 triệu đồng.

Việc Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam căn cứ theo giá trị hạch toán sổ sách của VEAM và Thông báo số 7935/TB-HĐTĐG ngày 04/9/2014 của Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh để xác định giá trị quyền sử dụng 8.732,7 m² đất tại Xóm 3, xã Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An trị giá 32.719,9 triệu đồng và 84,8 m² đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 10.262 triệu đồng vào giá trị doanh nghiệp CPH VEAM là không đúng cơ sở pháp lý, sai quy định tại điểm a khoản 9 Điều 18 Thông tư số 127/TT-BTC; tiết a điểm 2 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP; Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP; khoản 3.4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013. Theo đó, Ban chỉ đạo CPH VEAM thẩm tra, trình, Bộ Công Thương phê duyệt giá trị quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên trong giá trị doanh nghiệp CPH VEAM số tiền 42.981,9 triệu đồng là không chính xác. Đến thời điểm thanh tra, UBND tỉnh Nghệ An, UBND Thành phố Hồ Chí Minh chưa ban hành giá đất cụ thể, thiếu cơ sở để xác định đúng giá trị quyền sử dụng các diện tích đất nêu trên trong giá trị doanh nghiệp CPH VEAM, khó khăn cho công tác quyết toán CPH VEAM.

Đối với cơ sở nhà đất tại số 70 Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Diện tích khuôn viên 94 m², diện tích xây dựng 70 m², diện tích nhà sử dụng 213,2 m²; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70111197983 ngày 08/4/2003 (nguồn gốc do doanh nghiệp mua năm 2003), theo sổ sách Công ty TNHH nhà nước MTV Diesel Sông đang hạch toán toàn bộ tiền mua nhà, đất với số tiền 2.063 triệu đồng là nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc; nhưng Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam đã xác định trong giá trị doanh nghiệp (tách giá trị quyền sử dụng đất và nguyên giá nhà cửa vật kiến trúc) gồm: tài sản trên đất 501 triệu đồng, giá trị quyền sử dụng đất 1.100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo Phương án CPH, diện tích 94 m² đất này chuyển sang thuê, nên Bộ Công Thương cần xem xét, điều chỉnh đúng quy định khi quyết toán CPH (giảm giá trị quyền sử dụng đất, tăng giá trị tài sản trên đất).

3.2. Về phương án sử dụng đất đai khi CPH VEAM

Theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp thời điểm 01/7/2014 và phương án sử dụng đất sau CPH thì Công ty mẹ VEAM và 05 Công ty con đang quản lý, sử dụng các diện tích đất gồm: diện tích đất Công ty mẹ - VEAM sử dụng chung trong tổ hợp văn phòng, nhà ở và khu liên cơ quan là 3.252,6 m² (tổ hợp văn phòng, nhà ở tại Lô D, khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội là 2.734 m²; khu liên cơ quan tại số 2, Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội là 528,6 m²); diện tích đất VEAM sử dụng riêng là 878.045,6 m². 

Kiểm tra cho thấy:

- Việc thực hiện các thủ tục chuyển đất giao sang thuê đất tại Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công trước khi xác định giá trị doanh nghiệp VEAM để CPH

Theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp CPH VEAM thời điểm 01/7/2014 và phương án sử dụng đất sau CPH thì diện tích đất Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (Công ty con của VEAM) đang quản lý tại phường Lương Châu, Thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên là 40.192 m²; trong đó, diện tích đất được giao sẽ chuyển sang thuê đất hàng năm là 38.968 m²; diện tích đất Công ty đang sử dụng làm công trình phúc lợi (trạm xá) là 1.224 m². Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp VEAM để CPH (30/6/2015) và đến thời điểm thanh tra, Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công chưa hoàn tất thủ tục chuyển 38.968 m² đất giao sang hợp đồng thuê đất hàng năm và 1.224 m² đất sử dụng làm công trình phúc lợi, không có hợp đồng thuê đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa thực hiện trả tiền thuê đất hàng năm là thực hiện không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 52 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; khoản 2 Điều 60 Luật Đất đai năm 2013 và điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP; gây khó khăn trong quản lý đất đai của VEAM, có nguy cơ nhà nước không thu được tiền thuê đất đối với diện tích đất 1.224 m².

3.3. Việc bán cổ phần

Thực hiện phương án bán cổ phần VEAM, số cổ phần bán được là 149.493.500 CP, tương đương 11,25% vốn điều lệ, không đạt tỷ lệ theo phương án duyệt là 49%; trên cơ sở tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đã được phê duyệt và Ban Chỉ đạo CPH đã triển khai các trình tự thủ tục lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định; tuy nhiên, tính đến thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ đăng ký tham gia nhà đầu tư chiến lược của 02 lần thông báo đều không có nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký, không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược; theo đó, VEAM đề nghị và Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 5029/QĐ-BCT ngày 23/12/2016 điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ; trong đó, nhà nước nắm giữ là 1.175.582.966 cổ phần, chiếm 88,47% vốn điều lệ.

Về việc nộp tiền CPH, số tiền VEAM phải nộp về CPH giai đoạn đầu là 2.162.092 triệu đồng, VEAM đã nộp chậm 15 ngày; đến thời điểm kiểm tra, Bộ Công Thương chưa phê duyệt quyết toán CPH VEAM và VEAM chưa nộp tiếp số tiền CPH 1.499.638 triệu đồng; sau kiểm tra VEAM đã chấp hành nộp số tiền này.

3.4. Về thoái vốn

Theo đề án tái cơ cấu VEAM giai đoạn 2012-2015 được phê duyệt tại Quyết định số 1630/QĐ-BCT ngày 19/3/2013 của Bộ Công Thương, VEAM phải thoái giảm bớt phần vốn nhà nước xuống dưới 50% tại 14 doanh nghiệp; tuy nhiên, khi chưa kết thúc giai đoạn thực hiện thoái vốn theo đề án, Bộ Công Thương đã thực hiện CPH VEAM theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30/5/2014 và VEAM đã thực hiện được việc thoái giảm vốn dưới 50% tại 10 doanh nghiệp.

Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2017 Bộ Công Thương phải thực hiện thoái 52,47% vốn tại VEAM, năm 2020 là 36%; ngày 30/8/2017, Bộ Công Thương có Văn bản 8003/BCT-TC về thoái vốn nhà nước tại VEAM xác định việc xây dựng phương án thoái vốn hoàn



thành trước 30/9/2017; nhưng đến thời điểm kiểm tra, VEAM chưa xây dựng xong phương án thoái vốn. Như vậy, Bộ Công Thương, VEAM chưa thực hiện được việc xây dựng phương án thoái vốn theo lộ trình xác định tại Văn bản 8003/BCT-TC ngày 30/8/2017 và chưa thực hiện được việc thoái vốn nhà nước tại VEAM theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thực phẩm và Đầu tư (Fococev)

Theo báo cáo và hồ sơ CPH Bộ Công Thương cung cấp: Fococev thực hiện CPH theo Quyết định số 4888/QĐ-BCT ngày 16/7/2013 của Bộ Công Thương; thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 01/7/2013, Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp; ngày 22/10/2015, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 11400/QĐ-BCT xác định giá trị doanh nghiệp CPH Fococev thời điểm 31/7/2015 là 719.995 triệu đồng; giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 12.200 triệu đồng; tài sản không đưa vào CPH là 83.483 triệu đồng¹⁷.

Ngày 18/12/2015, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 13980/QĐ-BCT phê duyệt Phương án CPH Fococev; vốn điều lệ 12.30 triệu đồng, nhà nước bán toàn bộ vốn, bán ưu đãi cho người lao động là 884.900 cổ phần, chiếm 71,94% vốn điều lệ, bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn là 36.900 cổ phần, chiếm 3% vốn điều lệ, bán cho nhà đầu tư chiến lược 154.000 cổ phần, chiếm 12,52% vốn điều lệ, bán đấu giá công khai 154.200 cổ phần, chiếm 12,54% vốn điều lệ; giá khởi điểm 10.000 đồng/01 cổ phần. Kết quả bán cổ phần đạt phương án; trong đó, bán cho 01 cổ đông chiến lược (ông Nguyễn Thanh Phương, CMT 201156590) trúng đấu giá 154.000 cổ phần với giá 21.200 đồng/01 cổ phần.

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu do Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp - Bộ Công Thương cung cấp, kiểm tra một số nội dung CPH, kết quả như sau:

4.1. Về thực hiện phương án sử dụng đất đai

Theo phương án CPH; thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/8/2015, Fococev quản lý, sử dụng 791.610,8 m² đất; trong đó, tại Thành phố Hà Nội 1.461 m², tỉnh Đắk Lắk là 596 m², tỉnh Quảng Ngãi 6.900 m², tỉnh Thừa Thiên Huế 447.070 m², tỉnh Gia Lai 310.000 m², Thành phố Đà Nẵng 354,68 m², tỉnh Khánh Hòa 25.229,1 m²; Công ty thuê nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 1.823,03 m².

Ngày 19/8/2015, Fococev có các văn bản gửi Bộ Công Thương và Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố v/v phê duyệt phương án sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, thành phố¹⁸ để CPH Fococev; nhưng đến thời điểm thanh tra, phương án sử dụng

¹⁷ Tài sản cố định hữu hình (giá trị còn lại) là 3.160,2 triệu đồng; vật tư, hàng hóa ứ đọng là 20.324,1 triệu đồng, "công nợ không có khả năng thu hồi là 59.998,7 triệu đồng, "tài sản không đưa vào CPH, Công ty có trách nhiệm tiếp tục bảo quản về mặt hiện vật và hồ sơ, tài liệu để bàn giao sang Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam.

¹⁸ số 651/CTĐT gửi UBND Thành phố Hà Nội; số 652/CTĐT gửi UBND tỉnh Đắk Lắk, số 653/CTĐT gửi UBND tỉnh Quảng Ngãi, số 649/CTĐT gửi UBND Thành phố Đà Nẵng, số 654/CTĐT gửi

đất của Fococev chưa có ý kiến của Bộ Công Thương và UBND các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi là thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều 3 và điểm a, khoản 4 Điều 11 Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; điểm 1.5 Mục II Thông tư số 83/TT-BTC ngày 16/7/2007 của Bộ Tài chính; điểm 1 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ.

Đối với các diện tích đất nhà nước giao 8.024,7 m², gồm 02 vị trí¹⁹ và các diện tích đất Fococev mua, nhận chuyển nhượng 950,7 m², gồm 04 vị trí²⁰. Theo điểm b khoản 2 Điều 52 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và khoản 2 Điều 60 Luật Đất đai năm 2013 thì Fococev phải chuyển sang thuê đất trả tiền hàng năm; tuy nhiên còn 03/06 khu đất trong số này chưa hoàn thành thủ tục thuê; theo tài liệu giải trình Bộ Công Thương và Fococev cung cấp cho thấy:

(1) Đối với khu đất tại Số 38 Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, 1.124,7 m²; trước và khi CPH, Fococev chỉ tiếp nhận bàn giao theo ghi nhận sổ sách từ Công ty Vật tư tổng hợp Khánh Hòa chứ không có bàn giao theo thực trạng; Công ty Vật tư tổng hợp Khánh Hòa (Đơn vị quản lý khu đất khi trước) đã bố trí cho các hộ dân (là cán bộ công nhân viên của Công ty) ở trên khu đất từ năm 1994 với lý do các hộ thiếu nhà ở; từ đó đến nay, các đơn vị được giao quản lý trước cho đến Công ty cổ phần Fococev đều không quản lý được khu đất, chỉ theo dõi treo và luân chuyển, bàn giao trên sổ sách.

(2) Đối với khu đất tại thôn 2, xã Hòa Thuận, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk 596 m², theo văn bản số 652/CTĐT ngày 19/8/2015 của Fococev gửi UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án sử dụng đất để CPH thì nội dung là chuyển sang thuê trả tiền hàng năm, UBND tỉnh Đắk Lắk chưa có văn bản trả lời đối với văn bản 652/CTĐT ngày 19/8/2015 của Fococev nhưng lại có văn bản số 8768/UBND-TCTM ngày 24/11/2015 gửi Bộ Công Thương về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước tại Công ty TNHH MTV Thực phẩm và Đầu tư Fococev (sắp xếp theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007); theo đó UBND tỉnh Đắk Lắk thống nhất giữ lại cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của Công ty TNHH MTV Thực phẩm và Đầu tư Fococev trên địa bàn tỉnh với diện tích 596 m² đất và 396 m² xây dựng nhà để tiếp tục sử dụng đúng mục đích được giao (đất cơ sở SXKD 400 m², thời hạn sử dụng ổn định, lâu dài; đất ở tại nông thôn 196 m², thời hạn sử dụng lâu dài); như vậy, phương án sử dụng đối với khu đất để CPH là chuyển sang thuê trả

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, số 655/CTĐT gửi UBND tỉnh Gia Lai, số 648/CTĐT gửi UBND tỉnh Khánh Hòa, số 650/CTĐT gửi UBND Thành phố Hồ Chí Minh)

¹⁹ tại Tổ 15, Phường Trần Phú, tỉnh Quảng Ngãi 6.900 m²; tại Số 38 Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa 1.124,7 m²

²⁰ tại thôn 2, xã Hòa Thuận, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk 596 m²; tại số 93 Phan Chu Trinh (hồ sơ là số 111 Phan Chu Trinh), phường Hải Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng 115,9 m²; tại số 62 Trần Quốc Toàn (hồ sơ là số 50 Trần Quốc Toàn), phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng 116,38 m²; tại số 64 Trần Quốc Toàn (hồ sơ là số 52 Trần Quốc Toàn), phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng 122,4 m² 

tiền hàng năm chưa được phê duyệt; từ đó tới nay Fococev và cơ quan chức năng chưa thực hiện thủ tục gì khác đối với khu đất.

(3) Đối với khu đất tại Tổ 15, Phường Trần Phú, tỉnh Quảng Ngãi 6.900 m², ngày 17/8/2022, Sở Tài nguyên Môi trường Quảng Ngãi ban hành Kết luận kiểm tra số 4153/KL-STNMT, trong đó có nội dung kiến nghị đối với kết quả kiểm tra khu đất là: *"Công ty cổ phần Fococev... Khẩn trương lập hồ sơ thuê đất theo quy định ... trước 30/11/2022"*; ngày 24/8/2022, Công ty cổ phần Fococev đã có văn bản số 293/ CV-TCHC gửi UBND thành phố Quảng Ngãi thực hiện Kết luận kiểm tra số 4153/KL-STNMT của Sở Tài nguyên Môi trường Quảng Ngãi.

Như vậy, việc quản lý và thực hiện phương án sử dụng đất đai của Bộ Công Thương và Fococev đối với khu đất tại Số 38 Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 1.124,7 m² và khu đất tại thôn 2, xã Hòa Thuận, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk diện tích 596 m² nêu trên là vi phạm quy định về quy trình lập phương án sử dụng đất và phê duyệt trong phương án CPH của doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ (phần Phụ lục); Fococev chưa hoàn thành thủ tục chuyển sang thuê đất là thực hiện không đúng quy định, vi phạm điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ. Trước khi thực hiện CPH Fococev, Bộ Công Thương chưa hoàn thành việc sắp xếp lại đất đai tại Fococev, vi phạm Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ, phương án sử dụng đất của Fococev chưa có ý kiến của Bộ Công Thương và các tỉnh, thành phố liên quan và việc Fococev chưa hoàn thành thủ tục chuyển các loại: đất giao không thu tiền sử dụng đất, đất nhận chuyển nhượng hợp pháp sang thuê đất, chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý về đất đai (Diện tích đất chưa có hồ sơ pháp lý như: giấy CNQSDĐ, hợp đồng thuê đất... tại thành phố Nha Trang, Khánh Hòa với diện tích là 14.758 m²) nhưng đã thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp Fococev để CPH và bàn giao sang CTCP là vi phạm điểm 1 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ: *"1. Đối với toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hóa đang quản lý, sử dụng làm mặt bằng xây dựng trụ sở, văn phòng giao dịch; xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối (kể cả đất đã được Nhà nước giao có thu hoặc không thu tiền sử dụng đất) thì doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp phải bảo đảm phù hợp với quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải được gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn trước khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp."*

Theo quy định điểm 2 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ: *"Đối với những diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hóa đã được giao đất và đã nộp tiền sử dụng đất cho ngân sách nhà nước hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà để bán và xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê thì phải xác định lại giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp theo quy định sau ..."*. Quá trình thanh tra, Fococev không hợp tác cung cấp hồ sơ, tài

liệu, Thanh tra Chính phủ chỉ căn cứ trên cơ sở hồ sơ tài liệu Bộ Công Thương cung cấp, các diện tích đất Fococev được nhà nước giao và tự mua chuyển nhượng tổng số 8.975,4 m² chưa hoàn thành thủ tục chuyển sang thuê đất và chưa xác định được thực tế Fococev có sử dụng các diện tích đất này như trường hợp quy định tại điểm 2 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP nêu trên hay không.

4.2. Về xử lý công nợ trước khi xác định giá trị doanh nghiệp để CPH và nộp tiền CPH.

Trước khi thực hiện xử lý tài chính để CPH Fococev thời điểm 31/7/2015, số dư nợ phải thu là 107.273 triệu đồng, nợ phải trả là 707.795 triệu đồng; trong đó, nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 49.130 triệu đồng, trả trước cho người bán là 31.993 triệu đồng, Công ty TNHH Hải Yến là 17.230 triệu đồng... ; nợ phải thu không có đối chiếu là 22.802 triệu đồng, nợ phải trả không có đối chiếu 64.805 triệu đồng, nợ phải thu quá hạn không có khả năng thu hồi 59.998 triệu đồng (không xác định vào giá trị doanh nghiệp). Việc xử lý tài chính đối với những khoản nợ phải thu quá hạn không có khả năng thu hồi 59.998 triệu đồng, không xác định vào giá trị doanh nghiệp CPH nhưng chưa xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan là sai quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Thời điểm chuyển sang CTCP (01/5/2016), số nợ loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp Fococev chưa bàn giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam 05 khoản giá trị 1.176 triệu đồng là sai quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ. Về nộp tiền CPH, Fococev nộp số tiền CPH 16.699 triệu đồng về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước chậm 05 tháng, sai quy định tại khoản 5 Điều 43 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.

5. Tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)

5.1. Về thực hiện cổ phần hóa công ty thành viên của EVN

Giai đoạn 2011-2017, EVN phải thực hiện CPH 04 doanh nghiệp; đến thời điểm thanh tra, hoàn thành CPH 01 doanh nghiệp là Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2011, tuy nhiên, sau CPH EVN vẫn nắm giữ 99,93% vốn điều lệ trị giá 4.248.000 triệu đồng (chỉ bán được 0,07% cổ phần cho cán bộ công nhân viên Công ty và cổ đông bên ngoài); EVN đang thực hiện CPH 03 doanh nghiệp, gồm: Tổng công ty Phát điện 1, đang triển khai các thủ tục bước đầu, chưa xác định giá trị doanh nghiệp; Tổng công ty Phát điện 2 thực hiện xong việc xác định giá trị doanh nghiệp và đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán giá trị doanh nghiệp, chưa phê duyệt Phương án CPH, Tổng công ty Phát điện 3 hoàn thành bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, đang triển khai các thủ tục bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược. Trên cơ sở tiến độ, kết quả thực hiện CPH của PVN như nêu trên, Thanh tra Chính phủ chỉ kiểm tra, xác minh một số nội dung CPH của Tổng công ty Phát điện 3 (EVN GENCO3) như sau:

EVN thực hiện CPH EVNGENCO3 theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ Công Thương, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 01/01/2015, Liên danh AASC - UHY ACA thực hiện tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3396/QĐ-BCT về việc xác định giá trị Công ty mẹ - EVNGENCO3 để CPH, giá trị thực tế của doanh

nghiệp là 92.941.120 triệu đồng, Vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 26.108.306 triệu đồng.

Ngày 27/12/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2100/QĐ-TTg phê duyệt Phương án CPH Công ty mẹ - EVNGENCO3: hình thức CPH giữ nguyên Vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ; Vốn điều lệ là 20.809.000 triệu đồng, EVN nắm giữ 51% (10.613.000 triệu đồng), đến năm 2020 giảm dưới mức chi phối; bán ưu đãi cho người lao động 3.424.200 cổ phần, bán đấu giá công khai 267.051.900 cổ phần, bán cho nhà đầu tư chiến lược 749.124.000 cổ phần; giá khởi điểm là 24.600 đồng/cổ phần.

- Ngày 31/5/2017, Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quyết định số 864/QĐ-KTNN về kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp CPH đối với Công ty mẹ - EVNGENCO3; theo đó, Kiểm toán Nhà nước xác định giá trị doanh nghiệp EVNGENCO3 tăng so với giá trị Tư vấn xác định là 1.504.819 triệu đồng²¹ và đã được Bộ Công Thương phê duyệt vào giá trị doanh nghiệp CPH (Quyết định số 3396/QĐ-BCT ngày 31/8/2017). Thanh tra Chính phủ kiểm tra một số nội dung về thủ tục CPH, việc xử lý đất đai lòng hồ nhà máy thủy điện, việc bán cổ phần, kết quả như sau:

Thời gian xác định GTDN từ 01/01/2015 đến khi có quyết định công bố GTDN là 32 tháng, chậm 26 tháng so với qui định tại Điều 15 Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ tài chính.

Khi thực hiện cổ phần hóa EVNGENCO3, việc xử lý đất đai đối với đất lòng hồ các nhà máy thủy điện trên cơ sở Luật Đất đai 2013, có sự hiểu, áp dụng thực hiện khác nhau về thu tiền sử dụng đất giữa các địa phương như: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, tổng diện tích đất sử dụng là 64.576.057,4 m²; trong đó, tỉnh Lâm Đồng thu tiền thuê đất hàng năm đối với diện tích lòng hồ thủy điện 740.815 m²; các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông giao đất lòng hồ không thu tiền sử dụng đất diện tích 62.252.400,5 m². Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 12481/VPCP-NN Ngày 22/11/2017 thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn EVN thực hiện theo quy định, nhưng đến ngày 18/09/2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường mới có Văn bản số 4712/BTNMT- TCQLĐĐ hướng dẫn EVN.

Kết quả bán cổ phần: số cổ phần bán cho người lao động là 1.464.700 /3.424.100 CP, đạt 42,7% phương án; số cổ phần bán đấu giá công khai là 7.149.644/267.051.900 CP, đạt 2,677% phương án, không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược (phương án phê duyệt bán cho nhà đầu tư chiến lược là 749.124.000 cổ phần). Như vậy, việc bán cổ phần đạt kết quả rất thấp (0,81%/49% phương án), Nhà nước còn nắm giữ 99,19% vốn điều lệ, không lựa chọn được nhà đầu tư chiến

²¹ Tăng thêm: (1) 162.174 triệu đồng giá trị còn lại của nhà máy Công ty Thủy điện Buôn Kuốp do áp dụng tính lại theo suất đầu tư XDGB qui định tại Quyết định 634/QĐ-BXD ngày 09/6/2014; (2) 1.265.252 triệu đồng giá trị còn lại của 04 nhà máy Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ căn cứ theo Điều 18 Thông tư 127/2017/TT-BTC; (3) tăng tài sản chung của văn phòng Tổng công ty 16.952 triệu đồng; (4) tăng 61,372 tỷ đồng khoản đầu tư tài chính vào CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được xác định theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và khoản 8 Điều 18 Thông tư 127/2014/TT-BTC.

lược, không hoàn thành phương án CPH được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27/12/2017; việc CPH EVNGENCO3 không đạt mục tiêu đề ra.

Về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược: EVNGENCO3 đã xây dựng tiêu chí nhà đầu tư chiến lược được phê duyệt tại phương án CPH là: có đủ tư cách pháp nhân, có năng lực tài chính, ưu tiên nhà đầu tư có kinh nghiệm trong lĩnh vực năng lượng, kỹ thuật công nghệ...; Ưu tiên nhà đầu tư có phương án hỗ trợ doanh nghiệp sau CPH trong chuyển giao công nghệ, đào tạo...; có cam kết về duy trì, phát triển ngành nghề SXKD điện năng và thương hiệu của DN CPH trong thời gian ít nhất 03 năm, không chuyển nhượng CP trong 05 năm, bồi thường khi vi phạm cam kết, nhà nước có quyền định đoạt đối với toàn bộ CP chiến lược khi vi phạm cam kết...

Sau khi thực hiện thủ tục cáo bạch, có 04 nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng tiêu chí quan tâm, đăng ký tìm hiểu thông tin gồm: Nebras Power, Adani, Ratchaburi và Taekwang; EVN đã thông báo lộ trình bán cổ phần để đảm bảo hoàn thành thủ tục bán đấu giá cho các Nhà đầu tư chiến lược không quá 03 tháng kể từ ngày phương án CPH được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (27/12/2017). Tuy nhiên, 02 nhà đầu tư (Adani, Ratchaburi) không thực hiện khảo sát, đánh giá kỹ thuật và không có thông tin trao đổi lại; nhà đầu tư Taekwang tổ chức đánh giá kỹ thuật và đề nghị được gia hạn thời gian lựa chọn nhà đầu tư chiến lược ít nhất 06 tháng để có thêm thời gian tìm hiểu thông tin và hoàn thiện các thủ tục quản trị nội bộ (văn bản ngày 02/3/2018); Nhà đầu tư Nebras đã làm việc trực tiếp với Bộ Công Thương và EVN xin gia hạn thời hạn lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược đến ngày 15/6/2018 để làm rõ các quy định và khả năng đáp ứng các tiêu chí của nhà đầu tư chiến lược; các đề nghị của 02 nhà đầu tư không giải quyết được; đến hạn 08/3/2018, không có nhà đầu tư nào đến đặt cọc và việc lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược không thành công.

Như vậy, việc lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược đã được EVNGENCO3 thực hiện các bước xây dựng, trình duyệt tiêu chí, cáo bạch thông tin theo quy định; tuy nhiên, việc lựa chọn không thành công; qua kiểm tra thấy có nguyên nhân cơ bản là: (1) Quy định về thời gian lựa chọn và bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược không quá 03 tháng đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp là hạn chế, nhất là với các doanh nghiệp quy mô lớn, tài sản cố định nhiều, tính kỹ thuật đặc thù như EVNGENCO3... , từ đó nhà đầu tư không có đủ thời gian khảo sát, tìm hiểu thông tin và thực hiện các thủ tục nội bộ để quyết định đầu tư, (2) thời điểm bán cổ phần, Nhà nước chưa có quy định về thẩm quyền ban hành quy chế đấu giá mua cổ phần đối với nhà đầu tư chiến lược, chỉ quy định về lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, do đó nhà đầu tư thiếu cơ sở nghiên cứu, thực hiện các thủ tục nội bộ và chuẩn bị tài chính trước khi tham gia đấu giá.

5.2. Về thoái vốn

Giai đoạn 2011-2017, EVN phải thực hiện thoái vốn tại 16 đơn vị; trong đó, thoái toàn bộ đối với 12 đơn vị, thoái một phần vốn ở 04 đơn vị. Tổng giá trị thoái vốn theo mệnh giá hai giai đoạn trên là 2.146,7 tỷ đồng. Tổng giá trị thu về:



2.212,583 tỷ đồng, thặng dư (chưa tính cổ tức): 65,843 tỷ đồng. EVN đã thực hiện việc thoái vốn ngoài ngành trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, chứng khoán, bất động sản và một số khoản đầu tư trong lĩnh vực phục vụ ngành nghề kinh doanh chính nhưng không cần nắm chi phối, tiếp tục thực hiện phương án thoái phần còn lại 7,5% vốn điều lệ tại EVNFinance.

Kiểm tra việc thoái vốn của EVN cho thấy: tại Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung (LEC): EVN giao EVNCPC chủ trì, thực hiện thủ tục chuyển nhượng toàn bộ 7.681.800 cổ phần của EVN đầu tư tại LEC; giá cổ phần do Tư vấn PIV định giá là 9.971 đồng/cổ phần; theo hồ sơ định giá, PIV đã xác định giá trị quyền sử dụng khu đất đất tại A5 Phạm Văn Đồng-Đà Nẵng trong giá trị doanh nghiệp (Từ đó xác định giá trị 01 cổ phần để bán đấu giá) đã lấy theo giá địa phương công bố rồi giảm trừ 10% so với nguyên giá thiếu căn cứ; giá khởi điểm để đấu giá là 10.000 đồng/cổ phần, giá đấu giá thành công là 10.000 đồng/cổ phần, số tiền thu về 76.818 triệu đồng. Việc đấu giá có 02 nhà đầu tư tham gia đấu giá, cả hai nhà đầu tư trúng đấu giá: ông Lê Minh Thành mua 819.100 cổ phần và Công ty cổ phần LEADVISORS CAPITAL MANAGENMENT mua 7.284.043 cổ phần. Tuy nhiên, qua hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cho thấy, ông Lê Minh Thành (Số CMTND B3475441) là thể nhân tham gia đấu giá đồng thời là người đại diện cho nhà đầu tư pháp nhân tham gia đấu giá, thực tế việc 01 cá nhân là đại diện cả hai nhà đầu tư tham gia đấu giá không thể đảm bảo tính khách quan, minh bạch, cần được kiểm tra, xác minh làm rõ và cơ quan thẩm quyền cần rà soát quy định để điều chỉnh, bổ sung cho chặt chẽ, hợp lý.

Đối với việc thoái vốn của Tổng công ty điện lực miền Nam (EVNSPC) tại Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Việt (DVSC): theo sổ sách, báo cáo của EVNSPC, khoản đầu tư thực hiện từ ngày 02/3/2007 do Công ty Điện lực 2 (nay là EVNSPC) mua 1.800.000 cổ phần của DVSC với giá 25.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị 45.000 triệu đồng; sau đầu tư, giá cổ phần giảm, từ 2013 đến 2016, EVNSPC đã trích dự phòng giảm giá cho khoản đầu số tiền 27.000 triệu đồng. Thực hiện Quyết định 287/QĐ-EVN ngày 24/4/2013 và các văn bản chỉ đạo của EVN, EVNSPC đã tiến hành các thủ tục thoái vốn khoản đầu tư tại DVSC: thuê tư vấn định giá..., bán đấu giá 1.800.000 cổ phần tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM thu được 18.000 triệu đồng, giảm 27.000 triệu đồng so với giá trị đầu tư ban đầu, tương ứng giá trị EVNSPC đã trích dự phòng; do hồ sơ hình thành khoản đầu tư đơn vị chưa cung cấp được cho đoàn thanh tra, nên khoản đầu tư này cần được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra làm rõ.

6. Tại Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (MIE)

6.1. Về cổ phần hóa

MIE CPH theo Quyết định số 4873/QĐ-BCT ngày 30/5/2014 của Bộ Công Thương; theo đó, tiến hành CPH Công ty mẹ - MIE đồng thời với 04 Công ty TNHH MTV là: Hameco, QTMex, Mecanimex, Technoimport; ngày 16/11/2015, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 12494/QĐ-BCT về việc xác định giá trị doanh nghiệp CPH MIE thời điểm 01/10/2014; giá trị thực tế doanh nghiệp là 1.643.744,1 triệu đồng, giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 1.419.914,4 triệu đồng. 

Ngày 11/03/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 395/QĐ-TTg về việc phê duyệt Phương án CPH Công ty mẹ - MIE; hình thức CPH là bán toàn bộ Vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, vốn điều lệ là 1.419.915 triệu đồng, bán cho người lao động 1.159.600 cổ phần, chiếm 0,82% vốn điều lệ; bán đấu giá công khai 140.831.900 cổ phần, chiếm 99,18% vốn điều lệ.

Việc bán cổ phần lần đầu thực hiện đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 21/11/2016, số cổ phần đã bán 606.820 cổ phần/tổng số 141.991.500 cổ phần, chỉ đạt 0,43%. Ngày 23/12/2016, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 5022/QĐ-BCT về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của MIE; Nhà nước nắm giữ 141.384.680 cổ phần, chiếm 99,57% vốn điều lệ; bán cho người lao động 565.920 cổ phần, chiếm 0,40% vốn điều lệ, bán đấu giá công khai: 40.900 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ. Ngày 20/01/2017, MIE được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chính thức hoạt động theo CTCP.

Như vậy, việc Bộ Công Thương thực hiện CPH MIE, kết quả bán cổ phần đạt tỷ lệ rất thấp (0,43%/100% phương án), Nhà nước còn nắm giữ 99,57% vốn điều lệ, không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược nào, không hoàn thành phương án CPH được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 395/QĐ-TTg ngày 11/03/2016; việc CPH MIE không đạt mục tiêu đề ra.

6.2. Về thoái vốn

Sau khi CPH, MIE chuyển hình thức hoạt động sang CTCP, Nhà nước vẫn nắm giữ 141.384.680 cổ phần tương ứng 99,57% vốn điều lệ; theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản 9717/BCT-TC ngày 19/10/2017 và Văn bản 1256/BCT-CN ngày 09/02/2018 của Bộ Công Thương, năm 2018 phải thoái 63,57% vốn nhà nước tại MIE, năm 2019 thoái nốt 36% vốn còn lại. Tuy nhiên, đến thời điểm thanh tra và đến nay, Bộ Công Thương và MIE chưa thực hiện được việc thoái vốn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Công Thương nêu trên.

C. KẾT LUẬN

1. Việc thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước của Bộ Công Thương

Bộ Công Thương đã nỗ lực tổ chức triển khai và chỉ đạo các doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp được giao; giai đoạn 2011-2017 đã thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và phê duyệt theo thẩm quyền các đề án tái cơ cấu Tập đoàn, Tổng công ty thuộc Bộ. CPH và chuyển đổi 13 doanh nghiệp nhà nước thành CTCP hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Về cơ bản, nhiệm vụ tái cơ cấu doanh nghiệp trọng tâm là CPH, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2017 đã được Bộ Công Thương, các Tập đoàn, Tổng công ty chú trọng thực hiện, cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính; thoái vốn hầu hết đối với các khoản đầu tư ra ngoài ngành. Tuy nhiên, việc rà soát, tái cơ cấu còn chưa kịp thời, thiếu toàn diện, chưa khắc phục được tình trạng một số Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty hoạt động còn kém hiệu quả, một số dự án đầu tư lớn lâm vào tình trạng trì trệ chậm tiến độ, khó khăn, thua lỗ, Chính phủ đang phải tập trung chỉ đạo xử lý tháo gỡ (12 dự án ngành Công Thương). 

Về CPH, một số doanh nghiệp không hoàn thành theo đề án được phê duyệt, thậm chí sai quy định về xử lý tài chính, công nợ, đất đai... ; tiến độ thực hiện CPH chậm nhiều so với kế hoạch đã được phê duyệt, tỷ lệ vốn nhà nước bán được quá thấp so với phương án, không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược cho mục tiêu huy động vốn và năng lực, kinh nghiệm quản lý tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của các doanh nghiệp; công tác quản lý đất đai gắn với việc tái cơ cấu doanh nghiệp nói chung và đặc biệt là gắn với công tác CPH còn nhiều vướng mắc, thiếu chặt chẽ gây ra trở ngại lớn trong quá trình thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nói chung và CPH nói riêng; công tác quyết toán CPH chậm trễ, vướng mắc kéo dài.

Đến thời điểm thanh tra vẫn còn 02 doanh nghiệp thuộc Bộ, gồm: Tổng công ty Giấy Việt Nam, Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng và Xây lắp thương mại BMC và nhiều công ty thuộc các Tập đoàn, Tổng công ty chưa được sắp xếp, CPH theo đề án. Như vậy, kết quả thực hiện nhiệm vụ sắp xếp, CPH doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ nói chung chưa đạt mục tiêu đề ra.

Trách nhiệm thuộc Bộ Công Thương, các Tập đoàn, Tổng công ty.

2. Việc chấp hành quy định của pháp luật trong thực hiện một số nội dung về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước tại các doanh nghiệp được kiểm tra

(1) Về xử lý tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp CPH

- Đối với Vnsteel, Tư vấn VVFC xác định giá trị doanh nghiệp, Ban chỉ đạo CPH trình, Bộ Công Thương phê duyệt giá trị doanh nghiệp CPH Vnsteel trong đó có một số nội dung, giá trị phê duyệt không đúng, cụ thể là:

VVFC xác định tỷ lệ phần trăm chất lượng còn lại của 127 máy móc thiết bị của Công ty Thép Miền Nam và Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ không đúng quy định tại điểm 4 Mục A Phần III Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính, dẫn đến xác định giá trị tài sản không đúng, thiếu 344.700 triệu đồng (tạm tính); theo đó, Ban chỉ đạo CPH trình, Bộ Công Thương phê duyệt giá trị doanh nghiệp Vnsteel không đúng, thiếu 344.700 triệu đồng, dẫn đến xác định thiếu giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Vnsteel 344.700 triệu đồng; trong đó, 92 máy móc thiết bị của Công ty Thép Miền Nam là 237.357 triệu đồng và 35 máy móc thiết bị của Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ là 107.330 triệu đồng. Trách nhiệm thuộc VVFC, Công ty Thép miền Nam, Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ; Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Vnsteel; Ban chỉ đạo CPH Vnsteel, Bộ Công Thương.

VVFC xác định giá trị 02 thửa đất (tại 91 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, diện tích 1.338 m² và 56 Thủ Khoa Huân, quận 1, TP HCM, diện tích 1.083,5 m²) và Bộ Công Thương phê duyệt trong giá trị doanh nghiệp CPH Vnsteel là 313.932 triệu đồng; đến thời điểm chính thức chuyển sang CTCP và thời điểm thanh tra, Vnsteel chưa hoàn thành thủ tục để nộp ngân sách nhà nước, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất là thực hiện không đúng điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ. Trách nhiệm thuộc Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Vnsteel; người đại diện phần vốn nhà nước; Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty cổ

phần Vnsteel; Ban chỉ đạo CPH Vnsteel, Bộ Công Thương; UBND Thành phố Hà Nội, UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

VVFC xác định giá trị Thửa đất Viện Luyện kim đen tại huyện Thường Tín, Hà Nội, diện tích 7.823,0 m² để CPH khi Thửa đất chưa được sắp xếp lại là thực hiện không đúng Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; giá trị tính vào phần vốn nhà nước nhưng không phản ánh phải nộp ngân sách nhà nước số tiền là 124.992 triệu đồng là thực hiện không đúng điểm c khoản 2 Điều 31 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và khoản 5 Điều 30 của Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ; đến thời điểm chính thức chuyển sang CTCP và thời điểm thanh tra, Vnsteel chưa hoàn thành thủ tục để nộp Ngân sách nhà nước, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gây chậm trễ trong việc thu ngân sách nhà nước; không thực hiện được phương án sử dụng đất trong phương án CPH đã được phê duyệt. Trách nhiệm thuộc VVFC; Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Vnsteel; người đại diện phần vốn nhà nước; Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vnsteel; Ban chỉ đạo CPH Vnsteel, Bộ Công Thương; UBND Thành phố Hà Nội.

VVFC xác định giá trị quyền sử dụng Thửa đất tại 736 N, Ngô Quang Huy, ấp An Điền, phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh để CPH với diện tích 2.106,6 m² (giá trị tạm tính 85.738,62 triệu đồng) chênh lệch tăng 744,6 m² so với diện tích Bộ Tài chính phê duyệt (1.362 m²) là thực hiện không đúng Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; đến thời điểm chính thức chuyển sang CTCP và thời điểm thanh tra, Vnsteel chưa hoàn thành thủ tục để nộp ngân sách nhà nước, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thực hiện không đúng điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ; không thực hiện được theo phương án sử dụng đất đã được phê duyệt. Trách nhiệm thuộc VVFC; Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Vnsteel; Người đại diện phần vốn nhà nước, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vnsteel; Ban chỉ đạo CPH Vnsteel, Bộ Công Thương; UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ Công Thương quyết định chuyển giao toàn bộ quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước 243.193 triệu đồng (24.319.300 cổ phần) tại Vinatrans cho Vnsteel sau khi đã xác định, công bố giá trị doanh nghiệp để CPH; theo đó, vốn nhà nước tăng thêm không trong giá trị thực tế phần vốn nhà nước để cổ phần hóa Vnsteel là thực hiện không đúng hình thức CPH nêu trong Phương án cổ phần hóa Vnsteel, không đúng Điều 4 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ; sau CPH, quyền đại diện vốn nhà nước tại Vinatrans không bàn giao sang SCIC mà chuyển về Vnsteel là thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 47/2007/TT-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính, dẫn đến việc thoái Vốn nhà nước tại CTCP Vnsteel khó khăn. Trách nhiệm thuộc Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị Vnsteel; Ban chỉ đạo cổ phần hóa Vnsteel, Bộ Công Thương.

- Đối với PVCFC thuộc PVN, khi xác định giá trị doanh nghiệp để CPH PVCFC, Tư vấn VCSC tính giá trị tiềm năng phát triển của PVCFC sai công thức quy định tại khoản 7 Điều 18 Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính, dẫn đến thiếu 261.059,5 triệu đồng; theo đó, giá trị thực tế phần vốn nhà nước để cổ phần hóa PVCFC (thời điểm 01/01/2014) thiếu tương ứng giá trị



261.059,5 triệu đồng; tuy nhiên, giá trị tiềm năng phát triển của PVCFC đã xác định có cả yếu tố đặc thù là PVCFC được hưởng ưu đãi chính sách điều tiết giá khí của Chính phủ (khi PVCFC chuyển sang cổ phần không còn ưu đãi thì tiềm năng phát triển sẽ giảm tương ứng), nhưng yếu tố này chưa được đề cập khi xác định giá trị doanh nghiệp CPH PVCFC do chưa có quy định và Ban chỉ đạo cổ phần hóa PVCFC cũng chưa báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Trách nhiệm thuộc tư vấn VCSC, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng PVCFC; Ban chỉ đạo cổ phần hóa PVCFC, Hội đồng thành viên PVN.

Khi thực hiện CPH, PVCFC chưa xử lý tăng vốn nhà nước khoản lãi chênh lệch tỷ giá 79.892,3 triệu đồng mà hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2014 và năm tài chính sau CPH (2015) là thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ, dẫn đến xác định thiếu giá trị thực tế phần vốn nhà nước để CPH PVCFC thời điểm 01/01/2014 số tiền là 79.892,3 triệu đồng. Trách nhiệm thuộc tư vấn VCSC, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng PVCFC; Ban chỉ đạo cổ phần hóa PVCFC, PVN. Trên cơ sở kết quả thanh tra, PVN đã xử lý xác định tăng vốn nhà nước tại PVCFC.

- Đối với BSR thuộc PVN, năm 2016, BSR trích Quỹ KHCN với tỷ lệ tối đa 10% trên thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính; tuy nhiên BSR đã áp dụng tỷ lệ trích tối đa là thiếu cơ sở, vượt tỷ lệ tối thiểu 3% (tỷ lệ trích có cơ sở); theo đó, số tiền trích vượt là 381.364 triệu đồng, dẫn tới BSR xác định thiếu lợi nhuận sau thuế phải nộp về PVN (để PVN quyết toán nộp ngân sách nhà nước) số tiền 362.300 triệu đồng (tạm tính) và thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 19.060 triệu đồng. Trách nhiệm thuộc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng BSR; Ban chỉ đạo cổ phần hóa BSR, PVN.

- Đối với VEAM, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp CPH (01/7/2014), VEAM và 5 Công ty con (Veam nắm 100% vốn điều lệ) chưa đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải trả, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 16 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ; các khoản công nợ không được xử lý đúng quy định tồn tại với giá trị lớn; nợ phải thu quá hạn 2.384.810 triệu đồng (trên 03 năm là 941.710 triệu đồng; nợ khó đòi là 210.135 triệu đồng); đến thời điểm chính thức chuyển sang CTCP (23/01/2017), VEAM còn tồn tại một số khoản nợ phải thu, phải trả không có đối chiếu, vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP và quy định tại điểm d khoản 4 Điều 10 Thông tư số 127/2014/TT-BTC, trong đó có số nợ phải trả không tìm được địa chỉ hoặc không liên hệ được với khách hàng là 3.219 triệu đồng.

Nợ phải thu VEAM hỗ trợ cho các đơn vị thành viên vay vốn, đến thời điểm thanh tra còn 05 đơn vị nợ số tiền là 622.556 triệu đồng (Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM nợ 148.711 triệu đồng, Công ty cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ (Matexim) nợ 330.123 triệu đồng, Công ty cổ phần Matexim Hải phòng nợ 120.733 triệu đồng, Công ty cổ phần Cơ khí Cổ Loa nợ 12.676 triệu đồng, Công ty cổ phần Cơ khí Vinh nợ 10.312 triệu đồng), có trường hợp VEAM cho vay không có hợp đồng (chỉ có giấy nhận nợ vay), bên vay không có phương án sử dụng vốn hiệu quả, có khoản cho vay không đúng mục đích... Nhưng khi CPH

VEAM, khoản nợ này đã không được xử lý theo đúng quy định, vi phạm quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ; các đơn vị vay gặp khó khăn trong việc trả nợ, nguy cơ thất thoát vốn của VEAM. VEAM tính, hạch toán không đầy đủ lãi suất đối với các khoản vốn cho vay làm giảm thu nhập là 9.314 triệu đồng, theo đó, vốn chủ sở hữu Nhà nước tại VEAM bị giảm 7.192 triệu đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thiếu 2.122 triệu đồng.

Trách nhiệm thuộc về Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc VEAM, Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam, Ban chỉ đạo CPH VEAM, Bộ Công Thương.

- Bộ Công Thương phê duyệt giá trị doanh nghiệp CPH VEAM, trong đó giá trị 02 khoản đầu tư góp vốn của VEAM tại Matexim Hà Nội và Disoco trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính của 02 công ty không đúng thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp CPH VEAM, làm giảm giá trị doanh nghiệp VEAM 3.231 triệu đồng; phê duyệt giá trị 8.732,7 m² đất tại Xóm 3, xã Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An theo số liệu hạch toán sổ sách của VEAM, giá trị 32.719,9 triệu đồng và 84,8 m² đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM theo báo giá của Hội đồng thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị 10.262 triệu đồng là không đúng cơ sở, vi phạm quy định tại điểm a khoản 9 Điều 18 Thông tư số 127/TT-BTC; điểm a mục 2 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP; Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP; khoản 3,4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013. Theo đó, giá trị 02 thửa đất trong giá trị doanh nghiệp CPH VEAM đã phê duyệt là không chính xác. Trách nhiệm thuộc Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam, Ban chỉ đạo CPH VEAM, Bộ Công Thương, UBND tỉnh Nghệ An, UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Fococev xử lý tài chính đối với những khoản nợ phải thu quá hạn không có khả năng thu hồi nên không xác định vào giá trị doanh nghiệp CPH giá trị 59.998 triệu đồng, nhưng chưa xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ. Đến thời điểm chuyển sang CTCP (01/5/2016), số nợ không xác định vào giá trị doanh nghiệp còn 05 khoản giá trị 1.176 triệu đồng Fococev chưa bàn giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ. Fococev nộp số tiền CPH 16.699 triệu đồng về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước chậm 05 tháng, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 43 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ. Trách nhiệm thuộc Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban chỉ đạo CPH Fococev.

- EVNGENCO3 thuộc EVN xác định xác định giá trị doanh nghiệp CPH chậm 26 tháng, vi phạm quy định tại Điều 15 Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ tài chính. Trách nhiệm thuộc Liên danh AASC – UHY ACA thực hiện tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Ban chỉ đạo CPH EVNGENCO3.

(2) Về thực hiện phương án sử dụng đất đai khi cổ phần hóa

- Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp CPH VEAM (30/6/2015) và đến thời điểm thanh tra, Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (Công ty con của VEAM) chưa hoàn tất thủ tục chuyển 38.968 m² đất giao sang hợp đồng thuê đất

hàng năm và 1.224 m² đất sử dụng làm công trình phúc lợi, không có hợp đồng thuê đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa thực hiện trả tiền thuê đất hàng năm là thực hiện không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 52 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; khoản 2 Điều 60 Luật Đất đai năm 2013 và điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP; gây khó khăn trong quản lý đất đai của VEAM, có nguy cơ Nhà nước không thu được tiền thuê đất, tạo sơ hở về quản lý đất đai trong CPH doanh nghiệp. Trách nhiệm thuộc, Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công, Ban chỉ đạo CPH VEAM, Bộ Công Thương.

- Đối với đất đai tại Công ty Fococcev, ⁽ⁱ⁾Bộ Công Thương chưa thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước đối với diện tích 791.610,8 m², vi phạm Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước; ⁽ⁱⁱ⁾phương án sử dụng đất trong phương án CPH đã được Bộ Công Thương phê duyệt theo Quyết định số 13980/QĐ-BCT ngày 18/12/2015 chưa có ý kiến của UBND các tỉnh, thành phố đối các diện tích đất tổng cộng là 342.483,78 m²/791.610,8 m² (TP.Đà Nẵng diện tích 354,68 m²; Khánh Hòa diện tích 25.228,48m²; Quảng Ngãi diện tích 6.900 m²; Gia Lai diện tích 310.000 m²) là thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều 3 và điểm a khoản 4 Điều 11 Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Mục II.1.5 Thông tư số 83/TT-BTC ngày 16/7/2007 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg; điểm 1 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2013 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Trong số 342.483,78 m²/791.610,8 m² đất, Công ty Fococcev có 8.975,38 m² đất được nhà nước giao và Công ty mua, chuyển nhượng nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển từ đất giao, đất mua sang thuê đất, bao gồm: đất được nhà nước giao là 8.024,7 m² (tỉnh Quảng Ngãi là 6.900 m², tỉnh Khánh Hòa là 1.124,7 m²), đất Công ty mua, nhận chuyển nhượng là 950,7 m² (tỉnh Đắc Lắc là 596 m², TP.Đà Nẵng là 354,68 m²) và 14.758 m² đất chưa có hồ sơ pháp lý về đất đai (quyết định, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất...) tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tình trạng quản lý đất đai khi thực hiện CPH như trên là vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 52 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, khoản 2 Điều 60 Luật Đất đai năm 2013; tại điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP, gây khó khăn trong quản lý đất đai. Trách nhiệm thuộc về Bộ Công Thương, UBND các tỉnh, thành phố: Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Khánh Hòa. Riêng việc quản lý và thực hiện phương án sử dụng đất đai của Bộ Công Thương, Fococcev đối với khu đất tại Số 38 Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 1.124,7 m² và khu đất tại thôn 2, xã Hòa Thuận, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc diện tích 596 m² là vi phạm quy định về quy trình lập phương án sử dụng đất và phê duyệt trong phương án CPH của doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ (phần Phụ lục), dẫn đến không quản lý được và không thực hiện được phương án sử dụng 02 khu đất theo phương án CPH Fococcev, có nguy cơ thất thoát, lãng phí đất đai của nhà nước. 

- Vinatrans thuộc Vnsteel quản lý sử dụng 05 thửa đất với diện tích 44.513 m² nhưng sau CPH 08 năm (tính đến thời điểm thanh tra), Vinatrans chưa hoàn thành thủ tục thuê đất theo phương án CPH nhưng vẫn sử dụng và cho thuê mặt bằng, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 30 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007, Điều 106 Luật Đất đai 2003. Trách nhiệm thuộc Vnsteel, Bộ Công Thương, UBND Thành phố Hà Nội, UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Khi thực hiện cổ phần hóa EVNGENCO3 thuộc EVN, việc xử lý đất đai đối với đất lòng hồ nhà máy thủy điện gặp khó khăn do địa phương còn hiệu, thực hiện khác nhau trong việc thu, không thu tiền sử dụng đất. Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 12481/VPCP-NN Ngày 22/11/2017 thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn EVN thực hiện theo quy định, đến ngày 18/09/2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường mới có Văn bản số 4712/BTNMT- TCQLĐĐ hướng dẫn EVN là chậm thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Việc bán cổ phần, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Hầu hết các Công ty CPH đều bán cổ phần không đạt tỷ lệ theo phương án được phê duyệt, không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt là các công ty có quy mô vốn lớn như: EVNGENCO3, vốn điều lệ 20.809.000 triệu đồng, bán được 0,81%/49% phương án, nhà nước còn nắm giữ 99,19% vốn điều lệ, không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược; MIE vốn điều lệ 1.419.915 triệu đồng, bán được 0,43%/100% phương án, nhà nước còn nắm giữ 99,57% vốn điều lệ, không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược; VEAM vốn điều lệ 13.288.000 triệu đồng, bán được 11,25%/49% phương án, nhà nước còn nắm giữ 88,47% vốn điều lệ...; các doanh nghiệp CPH bán cổ phần không đạt phương án được phê duyệt, không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược, không hoàn thành mục tiêu cơ bản về CPH, phải trình cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ.

Việc không lựa chọn được nhà đầu tư chiến lược khi CPH các doanh nghiệp nhà nước do nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân khiến nhà đầu tư thiếu cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị tài chính trước khi tham gia; cụ thể là: (1) Quy định về thời gian lựa chọn và bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược không quá 03 tháng đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp là hạn chế, nhất là với các doanh nghiệp quy mô lớn, tài sản cố định nhiều, tính kỹ thuật đặc thù như EVNGENCO3... , nhà đầu tư không có đủ thời gian khảo sát, tìm hiểu thông tin và thực hiện các thủ tục nội bộ để quyết định đầu tư, (2) thời điểm bán cổ phần, Nhà nước chưa có quy định về thẩm quyền ban hành quy chế đấu giá mua cổ phần đối với nhà đầu tư chiến lược, chỉ qui định về lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

(4) Việc thu nộp tiền cổ phần, quyết toán cổ phần hóa

- Đối với Vnsteel, sau 07 năm (tính đến thời điểm thanh tra tháng 9/2018), Vnsteel chưa hoàn thành việc quyết toán CPH, chưa thực hiện nộp tiền CPH vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và PTDN, sai quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP; nguy cơ tiền phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và PTDN bị chiếm dụng trong thời gian dài. Mặt khác, khi lập hồ sơ trình quyết toán CPH, Vnsteel đã điều chỉnh số phải nộp về CPH giảm so với số phải nộp hạch toán trên báo cáo tài chính thời điểm chính thức chuyển sang cổ phần là 472.062,4 triệu đồng (chưa

Ch

được phê duyệt), nhưng hồ sơ đề nghị quyết toán còn thiếu cơ sở pháp lý; trong số các khoản đề nghị giảm vốn nhà nước tại hồ sơ quyết toán, qua kiểm tra 04 khoản với số tiền 379.945,8 triệu đồng, có 02 khoản Vnsteel hạch toán giảm lợi nhuận sau thuế thời kỳ CPH không nằm trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán số tiền 230.529,5 triệu đồng, sai quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính; nội dung này cần phải rà soát, xác định khi quyết toán CPH đảm bảo đầy đủ, đúng cơ sở pháp lý.

Giai đoạn sau cổ phần hóa Vnsteel, từ 01/10/2011 đến 30/6/2018, tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty cổ phần Vnsteel khoảng 876.000 triệu đồng, nhưng cổ đông nhà nước (nắm 93,93% vốn điều lệ) chưa được chia cổ tức, ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích nhà nước. Trách nhiệm thuộc Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Vnsteel; Ban chỉ đạo cổ phần hóa Vnsteel; Bộ Công Thương.

Đến thời điểm thanh tra, PVN chưa hoàn thành phê duyệt quyết toán CPH PVCFC (chậm 03 năm 03 tháng) là thực hiện không đúng quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ và khoản 5 Điều 10 Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 15/9/2014 của Bộ Tài chính. Trách nhiệm thuộc về Tổng giám đốc, Kế toán trưởng PVCFC; Ban chỉ đạo cổ phần hóa PVCFC; Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc PVN.

Bộ Công Thương quyết định chuyển giao toàn bộ quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Vinatrans với số vốn 243.193 triệu đồng (24.319.300 cổ phần) cho Vnsteel; việc bàn giao được thực hiện sau khi Vnsteel đã xác định, công bố giá trị doanh nghiệp để CPH; theo đó, vốn nhà nước tăng thêm không trong giá trị thực tế phần vốn nhà nước để cổ phần hóa Vnsteel là thực hiện không đúng hình thức CPH nêu trong Phương án cổ phần hóa Vnsteel được Bộ Công Thương phê duyệt, không đúng Điều 4 Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ; sau CPH, quyền đại diện vốn nhà nước tại Vinatrans không được bàn giao về SCIC mà chuyển về Vnsteel là thực hiện không đúng quy định tại Thông tư số 47/2007/TT-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính, dẫn đến việc thoái vốn nhà nước tại Vnsteel theo phương án tái cơ cấu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thêm khó khăn.

VEAM nộp 2.162.092 triệu đồng tiền CPH chậm 15 ngày; đến thời điểm kiểm tra, quyết toán CPH VEAM chưa được Bộ Công Thương phê duyệt và VEAM chưa nộp tiếp số tiền 1.499.638 triệu đồng, trách nhiệm thuộc VEAM, Ban chỉ đạo CPH VEAM. Sau kiểm tra VEAM đã chấp hành nộp số tiền này.

(5) Việc thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước

Đến thời điểm thanh tra, Bộ Công Thương và Vnsteel chưa thực hiện thoái 57,92% /vốn điều lệ 6.800.000 triệu đồng của Vnsteel là chưa thực hiện đúng Quyết định 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Trách nhiệm thuộc Bộ Công Thương, người đại diện vốn nhà nước tại Vnsteel.

Bộ Công Thương, VEAM chưa thực hiện được việc xây dựng phương án thoái vốn theo lộ trình xác định tại Văn bản 8003/BCT-TC ngày 30/8/2017 và chưa thực hiện việc thoái vốn nhà nước tại VEAM theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Trách nhiệm thuộc Bộ Công Thương, người đại diện vốn nhà nước tại VEAM. 

PVN không hoàn thành nhiệm vụ thoái vốn tại doanh nghiệp; trong đó, thoái không đạt tỷ lệ giảm vốn tại 01 doanh nghiệp và chưa thực hiện thoái vốn tại 07 doanh nghiệp theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 05/01/2013.

Bộ Công Thương và MIE chưa thực hiện việc thoái 63,57%, vốn điều lệ của MIE theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Công Thương là chưa thực hiện đúng Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Trách nhiệm thuộc Bộ Công Thương, người đại diện vốn nhà nước tại MIE.

Việc thoái vốn của EVN tại CTCP Bất động sản Điện lực Miền Trung không đảm bảo tính khách quan, minh bạch cần được kiểm tra, xác minh làm rõ và cơ quan thẩm quyền cần rà soát quy định đấu giá tài sản để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ kết quả, kết luận thanh tra, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ ngành, cơ quan, đơn vị thực hiện những nội dung sau:

1. Xử lý về kinh tế

1.1. Tổng giá trị phát hiện cần kiến nghị xử lý về kinh tế với số tiền là 2.338.709,1 triệu đồng, cụ thể:

- Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp rà soát, xác định đầy đủ giá trị vốn nhà nước tại Vnsteel, BSR, PVCFC và VEAM (tại thời điểm chính thức chuyển sang CTCP) theo đúng quy định của pháp luật; trong đó, các nội dung đã phát hiện nêu tại Kết luận thanh tra xử lý tăng vốn nhà nước, tăng lợi nhuận... tại PVCFC, BSR, VEAM, Vnsteel đồng thời xác định số tiền phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và PTDN tại SCIC, tại PVN tương ứng số tiền là **686.363,8 triệu đồng**: tại PVCFC là 79.892,3 triệu đồng, tại BSR là 362.300 triệu đồng, tại VEAM là 13.642 triệu đồng, tại Vnsteel là 230.529,5 triệu đồng.

- Việc Tư vấn PIV xác định giá trị cổ phần của Công ty cổ phần Bất động sản Miền Trung - LEC để thoái vốn (trong đó có vốn đầu tư của EVN) thiếu cơ sở, việc tổ chức đấu giá bán cổ phần chưa đảm bảo khách quan và việc thoái vốn đầu tư của Công ty Điện lực Miền Nam- EVNSPC tại Công ty Chứng khoán Đại Việt giảm 27.000 triệu đồng so với giá trị đầu tư ban đầu, nhưng Đoàn thanh tra chưa được cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu về việc hình thành khoản đầu tư, vì vậy các nội dung này cần được kiểm tra làm rõ. Ủy ban Quản lý Vốn nhà nước tại doanh nghiệp kiểm tra việc thoái vốn đầu tư của EVN tại Công ty cổ phần bất động sản Miền Trung- LEC, của Công ty Điện lực Miền Nam - EVNSPC tại Công ty Chứng khoán Đại Việt, nếu phát hiện sai phạm thì chuyển thông tin tới cơ quan chức năng xử lý theo đúng quy định của pháp luật; kiểm tra, xử lý Quỹ KHCN của BSR theo đúng quy định tại khoản 7, Điều 14 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/6/2016 giữa Bộ Khoa học và công nghệ và Bộ Tài chính.

- Kiến nghị các cơ quan thuế địa phương rà soát, xử lý các nội dung liên quan đến thuế khi cổ phần hóa Vnsteel, BSR, PVCFC và VEAM; trong đó, xử lý



truy thu các khoản thuế do Thanh tra Chính phủ phát hiện với số tiền là **21.182 triệu đồng**: tại BSR là 19.060 triệu đồng, tại VEAM là 2.122 triệu đồng.

- Xử lý khác **1.631.163,3 triệu đồng**, gồm: Bộ Công Thương chủ trì xử lý tại Vnsteel số tiền 1.370.104,3 triệu đồng; Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc PVN chủ trì xử lý tại PVCFC số tiền 261.059 triệu đồng (*Có phụ lục kèm theo*)

1.2. Xử lý về đất đai

- Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Khánh Hòa kiểm tra, rà soát phê duyệt phương án sử dụng tổng diện tích 791.610,8 m² đất của Fococev theo quy định của pháp luật hiện hành như: Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có vi phạm pháp luật, báo cáo ngay cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

- UBND các tỉnh, thành phố (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Nghệ An, Thái Nguyên, Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Khánh Hòa...) theo chức năng, thẩm quyền chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Công ty Fococev, VEAM, Vnsteel, Vinatrans kiểm tra, rà soát, ban hành giá đất theo quy định làm cơ sở xác định đúng giá trị quyền sử dụng đất khi CPH doanh nghiệp, hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, hợp đồng thuê đất, truy thu nghĩa vụ tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật, trong đó có các diện tích đất cụ thể tổng cộng 112.966,4 m² (*phụ lục kèm theo*).

Quá trình rà soát, kiểm tra về đất đai, tài chính nếu phát hiện vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển hồ sơ cho cơ quan Công an để điều tra xử lý theo quy định.

2. Kiến nghị chuyển thông tin vụ việc vi phạm sang cơ quan điều tra Bộ Công an

Thanh tra Chính phủ chuyển thông tin vụ việc vi phạm để Bộ Công an xác minh, điều tra, xử lý theo quy định, cụ thể: việc quản lý và thực hiện phương án sử dụng đất đai của Bộ Công Thương, Fococev đối với khu đất tại Số 38 Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 1.124,7 m² và khu đất tại thôn 2, xã Hòa Thuận, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk diện tích 596 m², vi phạm quy định về quy trình lập phương án sử dụng đất và phê duyệt trong phương án CPH của doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ (phần Phụ lục), dẫn đến không quản lý được và không thực hiện được phương án sử dụng 02 khu đất theo phương án CPH Fococev, có nguy cơ thất thoát, lãng phí đất đai của nhà nước.

3. Xử lý về trách nhiệm

- Bộ Công Thương kiểm điểm và chỉ đạo, xem xét kiểm điểm trách nhiệm của các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có liên quan đến khuyết điểm vi phạm được xác định tại Kết luận thanh tra theo quy của pháp luật; Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp chịu trách nhiệm chỉ đạo, xem xét trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến khuyết điểm vi phạm được xác định tại Kết



3

luận thanh tra theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Giao PVN, người đại diện vốn nhà nước tại Vnsteel, VEAM, Fococev kiểm điểm và chỉ đạo tổ chức cá nhân kiểm điểm, xử lý trách nhiệm liên quan đến khuyết điểm, vi phạm nêu tại kết luận thanh tra.

- Bộ Tài chính chỉ đạo kiểm điểm và có biện pháp chấn chỉnh đối với các Công ty tư vấn thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp có khuyết điểm vi phạm.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ an kiểm điểm trách nhiệm tương ứng việc chưa có ý kiến/hoặc chưa ban hành giá đất liên quan đến phương án sử dụng đất để CPH của VEAM, Fococev, Vnsteel.

4. Kiến nghị khác

Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về: thời gian thực hiện CPH (các bước) đảm bảo phù hợp với các loại hình doanh nghiệp Nhà nước có quy mô, tính chất hoạt động... khác nhau; phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp CPH, đặc biệt là xác định các khoản đầu tư của doanh nghiệp đảm bảo sát giá thị trường; Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung quy định về ủy quyền làm đại diện tham gia đấu giá tài sản đảm bảo khách quan, minh bạch.

Việc thực hiện kết luận thanh tra và ý kiến chỉ đạo, xử lý qua thanh tra của cấp có thẩm quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Phó TTgCP Lê Minh Khái (để b/cáo);
- Ủy ban KTTW, Ban NCTW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Công Thương, Tài chính, Tư pháp;
- UBQL Vốn NN tại doanh nghiệp;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/cáo);
- Phó Tổng TTCP: Lê Sỹ Bảy, Bùi Ngọc Lam;
- Các vụ: GSTĐXLSTT, KHTH - TTCP;
- Lưu: VT, Vụ I, HS Đoàn thanh tra. 16

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Lê Sỹ Bảy

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CÒN LẠI MÁY MÓC THIẾT BỊ TẠI CTY THIỆP TẮM LÁ PHÚ MỸ- CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY MỆ - TCT THIỆP VIỆT NAM

TT	Tên TSCĐ	Số kế toán		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá đánh giá lại (đồng)	Tỷ lệ CL còn lại PP thống kê K.nghiệm	Tỷ lệ CL còn lại PP kỹ thuật	Tỷ lệ chênh lệch giữa 2 Phương pháp	Tỷ lệ còn lại trung bình 2 P.pháp (T.sâu mục)	Giá trị còn lại (đồng)	Tỷ lệ còn lại PP kỹ thuật	Giá trị còn lại (đồng)	Chênh lệch so với kết quả xác định của TCTy (đồng)
I	Mô hình TSCĐ tính bình quân 2 phương pháp	1.060.672.755.550,0	655.879.194.614,0	1.060.672.755.550,0	655.879.194.614,0	1.060.672.755.550,0	655.879.194.614,0	1.060.672.755.550,0	655.879.194.614,0	1.060.672.755.550,0	655.879.194.614,0	1.060.672.755.550,0	655.879.194.614,0	107.330.285.993,1
01	Dây chuyền tẩy rửa	143.020.248.604,0	87.888.378.804,0	143.020.248.604,0	87.888.378.804,0	143.020.248.604,0	87.888.378.804,0	143.020.248.604,0	87.888.378.804,0	143.020.248.604,0	87.888.378.804,0	143.020.248.604,0	87.888.378.804,0	4.225.147.590,3
02	Thiết bị tái sinh ACID	52.385.230.540,0	32.191.616.434,0	52.385.230.540,0	32.191.616.434,0	52.385.230.540,0	32.191.616.434,0	52.385.230.540,0	32.191.616.434,0	52.385.230.540,0	32.191.616.434,0	52.385.230.540,0	32.191.616.434,0	1.670.776.683,2
03	Máy cán 1 (CRM)	280.489.721.464,0	176.467.808.311,0	280.489.721.464,0	176.467.808.311,0	280.489.721.464,0	176.467.808.311,0	280.489.721.464,0	176.467.808.311,0	280.489.721.464,0	176.467.808.311,0	280.489.721.464,0	176.467.808.311,0	25.530.296.874,0
04	Dây chuyền xử Thiệp	91.366.215.498,0	56.146.095.645,0	91.366.215.498,0	56.146.095.645,0	91.366.215.498,0	56.146.095.645,0	91.366.215.498,0	56.146.095.645,0	91.366.215.498,0	56.146.095.645,0	91.366.215.498,0	56.146.095.645,0	6.738.269.499,6
05	Máy sản xuất H2	24.924.644.112,0	15.316.618.344,0	24.924.644.112,0	15.316.618.344,0	24.924.644.112,0	15.316.618.344,0	24.924.644.112,0	15.316.618.344,0	24.924.644.112,0	15.316.618.344,0	24.924.644.112,0	15.316.618.344,0	3.031.147.261,3
06	Máy cán 2 (CRTM)	204.452.998.354,0	128.929.022.081,0	204.452.998.354,0	128.929.022.081,0	204.452.998.354,0	128.929.022.081,0	204.452.998.354,0	128.929.022.081,0	204.452.998.354,0	128.929.022.081,0	204.452.998.354,0	128.929.022.081,0	26.854.804.968,0
07	Máy cuốn lại (RCL)	83.084.899.026,0	51.057.085.619,0	83.084.899.026,0	51.057.085.619,0	83.084.899.026,0	51.057.085.619,0	83.084.899.026,0	51.057.085.619,0	83.084.899.026,0	51.057.085.619,0	83.084.899.026,0	51.057.085.619,0	13.888.166.951,0
08	Hệ thống xử lý nước	27.822.109.552,0	17.097.160.209,0	27.822.109.552,0	17.097.160.209,0	27.822.109.552,0	17.097.160.209,0	27.822.109.552,0	17.097.160.209,0	27.822.109.552,0	17.097.160.209,0	27.822.109.552,0	17.097.160.209,0	4.442.960.068,6
09	Máy mài trục cán số 1	36.553.753.122,0	22.462.903.907,0	36.553.753.122,0	22.462.903.907,0	36.553.753.122,0	22.462.903.907,0	36.553.753.122,0	22.462.903.907,0	36.553.753.122,0	22.462.903.907,0	36.553.753.122,0	22.462.903.907,0	6.093.686.548,8
10	Máy mài trục cán số 2	36.553.732.169,0	22.462.891.030,0	36.553.732.169,0	22.462.891.030,0	36.553.732.169,0	22.462.891.030,0	36.553.732.169,0	22.462.891.030,0	36.553.732.169,0	22.462.891.030,0	36.553.732.169,0	22.462.891.030,0	6.093.686.548,0
11	Dây chuyền cán	12.123.020.882,0	7.449.802.822,0	12.123.020.882,0	7.449.802.822,0	12.123.020.882,0	7.449.802.822,0	12.123.020.882,0	7.449.802.822,0	12.123.020.882,0	7.449.802.822,0	12.123.020.882,0	7.449.802.822,0	1.897.921.489,8
12	Dây chuyền cán Lá Nẵn	13.121.405.550,0	8.063.327.205,0	13.121.405.550,0	8.063.327.205,0	13.121.405.550,0	8.063.327.205,0	13.121.405.550,0	8.063.327.205,0	13.121.405.550,0	8.063.327.205,0	13.121.405.550,0	8.063.327.205,0	1.897.912.489,8
13	HT trạm biến thế, HT điện	6.876.890.117,0	4.225.966.108,0	6.876.890.117,0	4.225.966.108,0	6.876.890.117,0	4.225.966.108,0	6.876.890.117,0	4.225.966.108,0	6.876.890.117,0	4.225.966.108,0	6.876.890.117,0	4.225.966.108,0	780.000.000,0
14	Máy móc tran Nitơ	19.594.023.779,0	12.040.861.353,0	19.594.023.779,0	12.040.861.353,0	19.594.023.779,0	12.040.861.353,0	19.594.023.779,0	12.040.861.353,0	19.594.023.779,0	12.040.861.353,0	19.594.023.779,0	12.040.861.353,0	6.240.000.000,0
15	Máy mài lưỡi dao	1.204.452.122,0	416.379.982,0	1.204.452.122,0	416.379.982,0	1.204.452.122,0	416.379.982,0	1.204.452.122,0	416.379.982,0	1.204.452.122,0	416.379.982,0	1.204.452.122,0	416.379.982,0	1.410.586.225,0
16	Thiết bị phòng thí nghiệm	7.280.004.549,0	4.473.686.794,0	7.280.004.549,0	4.473.686.794,0	7.280.004.549,0	4.473.686.794,0	7.280.004.549,0	4.473.686.794,0	7.280.004.549,0	4.473.686.794,0	7.280.004.549,0	4.473.686.794,0	109.950.050,0
17	Thiết bị đóng gói	2.283.026.279,0	789.243.856,0	2.283.026.279,0	789.243.856,0	2.283.026.279,0	789.243.856,0	2.283.026.279,0	789.243.856,0	2.283.026.279,0	789.243.856,0	2.283.026.279,0	789.243.856,0	977.539.100,0
18	Thiết bị xử lý nước thải	4.577.295.443,0	2.889.114.272,0	4.577.295.443,0	2.889.114.272,0	4.577.295.443,0	2.889.114.272,0	4.577.295.443,0	2.889.114.272,0	4.577.295.443,0	2.889.114.272,0	4.577.295.443,0	2.889.114.272,0	159.811.839,2
19	Thiết bị phục vụ sản xuất	1.764.309.334,0	609.923.028,0	1.764.309.334,0	609.923.028,0	1.764.309.334,0	609.923.028,0	1.764.309.334,0	609.923.028,0	1.764.309.334,0	609.923.028,0	1.764.309.334,0	609.923.028,0	505.770.230,0
20	Hệ thống thiết bị lạnh	9.017.888.316,0	3.117.197.204,0	9.017.888.316,0	3.117.197.204,0	9.017.888.316,0	3.117.197.204,0	9.017.888.316,0	3.117.197.204,0	9.017.888.316,0	3.117.197.204,0	9.017.888.316,0	3.117.197.204,0	123.501.653,2
21	Bơm hóa chất CDPH 80-65	228.036.927,0	123.520.001,0	228.036.927,0	123.520.001,0	228.036.927,0	123.520.001,0	228.036.927,0	123.520.001,0	228.036.927,0	123.520.001,0	228.036.927,0	123.520.001,0	855.903.804,2
22	Máy do độ cứng HARTIP	62.212.770,0	32.142.264,0	62.212.770,0	32.142.264,0	62.212.770,0	32.142.264,0	62.212.770,0	32.142.264,0	62.212.770,0	32.142.264,0	62.212.770,0	32.142.264,0	25.083.900,0
23	Máy đóng chai PX104	85.787.240,0	50.042.556,0	85.787.240,0	50.042.556,0	85.787.240,0	50.042.556,0	85.787.240,0	50.042.556,0	85.787.240,0	50.042.556,0	85.787.240,0	50.042.556,0	4.354.894,0
24	Máy sấy ẩm PX017	163.542.857,0	117.205.715,0	163.542.857,0	117.205.715,0	163.542.857,0	117.205.715,0	163.542.857,0	117.205.715,0	163.542.857,0	117.205.715,0	163.542.857,0	117.205.715,0	1.715.745,0
25	Máy sấy công nghiệp PX 109	58.000.000,0	44.466.667,0	58.000.000,0	44.466.667,0	58.000.000,0	44.466.667,0	58.000.000,0	44.466.667,0	58.000.000,0	44.466.667,0	58.000.000,0	44.466.667,0	3.270.857,4
26	Máy đóng chai PX023	83.900.000,0	68.518.333,0	83.900.000,0	68.518.333,0	83.900.000,0	68.518.333,0	83.900.000,0	68.518.333,0	83.900.000,0	68.518.333,0	83.900.000,0	68.518.333,0	1.920.000,0
27	Máy đóng chai PX15	83.900.000,0	65.721.666,0	83.900.000,0	65.721.666,0	83.900.000,0	65.721.666,0	83.900.000,0	65.721.666,0	83.900.000,0	65.721.666,0	83.900.000,0	65.721.666,0	57.600.000,0
28	Bộ Máy tính	123.817.000,0	108.922.347,0	123.817.000,0	108.922.347,0	123.817.000,0	108.922.347,0	123.817.000,0	108.922.347,0	123.817.000,0	108.922.347,0	123.817.000,0	108.922.347,0	61.435.000,0
29	Máy tính Server Công nghi ếp	238.611.127,0	213.835.979,0	238.611.127,0	213.835.979,0	238.611.127,0	213.835.979,0	238.611.127,0	213.835.979,0	238.611.127,0	213.835.979,0	238.611.127,0	213.835.979,0	111.435.300,0
30	Máy bơm RVK10 32	190.161.442,0	172.142.112,0	190.161.442,0	172.142.112,0	190.161.442,0	172.142.112,0	190.161.442,0	172.142.112,0	190.161.442,0	172.142.112,0	190.161.442,0	172.142.112,0	114.750.014,3
31	Bơm hóa chất NP40-25-160	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	182.554.984,3
32	Bơm hóa chất NP40-25-160	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	201.556.600,0	182.660.669,0	193.494.336,0
33	Máy khoan từ F28mm-6028N	13.619.048,0	12.497.857,0	13.619.048,0	12.497.857,0	13.619.048,0	12.497.857,0	13.619.048,0	12.497.857,0	13.619.048,0	12.497.857,0	13.619.048,0	12.497.857,0	193.494.336,0
34	Máy tính Server Công nghi ếp	238.611												



KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CÒN LẠI MÁY MÓC THIẾT BỊ TẠI CTY THÉP VIỆT NAM- CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY MẸ - TCT THÉP VIỆT NAM

TT	Tên TSCĐ	Số kế toán		Đánh giá lại của Tư vấn được TCTy, Bộ Công thương phê duyệt trong GTDN cổ phần hóa 01/01/2010					Kết quả kiểm tra về tỷ lệ còn lại - 01/01/2010						
				Nguyên giá		Giá trị còn lại			Nguyên giá đánh giá lại (đồng)	Tỷ lệ CL còn lại PP thống kê kinh nghiệm	Tỷ lệ CL còn lại PP kỹ thuật	Sử dụng tỷ lệ còn lại theo PP kỹ thuật để tính giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại trung bình 2 phương pháp để tính giá trị	Giá trị còn lại (đồng)	Tỷ lệ còn lại PP kỹ thuật
		Nguyên giá	Giá trị còn lại												
01	Bộ kích Thủy lực 20 tấn	21.113.662,0	13.723.888,0			28.850.410,0	60,0%	65,0%		63,0%	18.175.758,0	65%	18.752.766,5	577.008,5	
02	Dây chuyền cán	675.712.609.800,0	378.633.776.826,0			902.553.470.343,0	55,0%	85,0%		70,0%	631.787.429.240,0	85%	767.170.449.791,6	135.383.020.551,6	
03	Đường tam, hệ thống cấp nước	1.704.375.098,0	1.036.828.176,0			1.704.375.098,0	60,0%	76,0%		80,0%	1.363.500.078,0	76%	1.295.325.074,5	-68.175.003,5	
04	Hệ thống dẫn gió, hút bụi	255.000.000,0	165.750.000,0			255.000.000,0	60,0%	70,0%		65,0%	165.750.000,0	70%	178.500.000,0	12.750.000,0	
05	Đội thủy lực	44.109.780,0	29.774.100,0			54.680.964,0	60,0%	70,0%		65,0%	35.542.627,0	70%	38.276.674,8	2.734.047,8	
06	Xe lọc dầu di động	92.227.720,0	71.092.209,0			114.323.120,0	75,0%	65,0%		70,0%	80.026.184,0	65%	74.310.028,0	-5.716.156,0	
07	Động cơ DC 400 KW	1.069.643.257,0	775.491.356,0			1.325.474.117,0	70,0%	75,0%		73,0%	967.596.105,0	75%	994.105.587,8	26.509.482,8	
08	Động cơ DC 400 KW	1.069.643.256,0	775.491.355,0			1.325.474.117,0	70,0%	75,0%		73,0%	967.596.105,0	75%	994.105.587,8	26.509.482,8	
09	Motor thủy lực OMVS-630	17.978.240,0	11.985.488,0			22.298.401,0	62,5%	60,0%		61,0%	13.602.025,0	60%	13.379.040,6	-222.984,4	
10	Motor Thủy lực OMVS-200	11.958.740,0	7.972.484,0			14.829.650,0	62,5%	80,0%		71,0%	10.529.052,0	80%	11.863.720,0	1.334.668,0	
11	Động cơ trên máy kéo rấn	28.588.849,0	17.073.906,0			35.429.382,0	70,0%	70,0%		70,0%	24.800.567,0	70%	24.800.567,4	0,0	
12	Bơm ngâm Ebara	14.700.000,0	10.616.660,0			15.100.000,0	80,0%	70,0%		75,0%	11.325.000,0	70%	10.570.000,0	-755.000,0	
13	Bơm ngâm Ebara	14.700.000,0	10.616.660,0			15.100.000,0	80,0%	70,0%		75,0%	11.325.000,0	70%	10.570.000,0	-755.000,0	
14	Máy mài đá 250	15.500.000,0	10.850.000,0			16.353.915,0	83,3%	75,0%		79,0%	12.919.593,0	75%	12.265.436,3	-654.156,8	
15	Máy hàn DC500	35.715.000,0	25.000.500,0			37.530.849,0	83,3%	75,0%		79,0%	29.649.371,0	75%	28.148.136,8	-1.501.234,3	
16	Máy đục bê tông TCB300	16.364.000,0	13.363.937,0			16.364.000,0	91,7%	80,0%		86,0%	14.073.040,0	80%	13.091.200,0	-981.840,0	
17	Động cơ do lưu lượng	108.736.920,0	92.426.382,0			139.749.229,0	90,0%	80,0%		85,0%	118.786.845,0	80%	111.799.383,2	-6.987.461,8	
18	Động cơ do lưu lượng	104.405.680,0	88.744.825,0			139.749.229,0	90,0%	80,0%		85,0%	118.786.845,0	80%	111.799.383,2	-6.987.461,8	
19	Máy hàn TIG 362	89.047.620,0	62.333.334,0			107.285.777,0	83,3%	75,0%		79,0%	84.755.764,0	75%	80.464.332,8	-4.291.431,3	
20	Hệ thống máy đóng đai (4 cái)	494.210.040,0	428.315.368,0			494.210.040,0	91,7%	85,0%		88,0%	434.904.835,0	85%	420.078.534,0	-14.826.301,0	
21	Máy đóng đai Sing (2 cái)	224.292.600,0	214.947.072,0			224.292.600,0	91,7%	97,0%		95,8%	214.947.072,0	97%	217.563.822,0	2.616.750,0	
22	Máy hàn TIG AC/DC	63.450.000,0	62.568.750,0			76.440.105,0	91,7%	99,0%		98,6%	75.378.437,0	99%	75.675.704,0	297.267,0	
23	Động cơ bánh răng AC MR31	295.981.521,0	217.875.295,0			356.585.675,0	80,0%	75,0%		78,0%	278.136.827,0	75%	267.439.256,3	-10.697.570,8	
24	Hệ thống cần sản 5T	16.666.667,0	16.666.667,0			16.666.667,0	87,5%	100,0%		100,0%	16.666.667,0	100%	16.666.667,0	0,0	
25	Bơm mỡ Drosipa 777271	272.565.538,0	272.565.538,0			272.565.538,0	87,5%	100,0%		100,0%	272.565.538,0	100%	272.565.538,0	0,0	
26	Giá cần trung	2.297.086.155,0	2.297.086.155,0			2.297.086.155,0	90,0%	100,0%		100,0%	2.297.086.155,0	100%	2.297.086.155,0	0,0	
27	Giá cần tinh II	1.963.351.845,0	1.963.351.845,0			1.963.351.845,0	90,0%	100,0%		100,0%	1.963.351.845,0	100%	1.963.351.845,0	0,0	
28	Giá cần tinh I	1.963.351.845,0	1.963.351.845,0			1.963.351.845,0	90,0%	100,0%		100,0%	1.963.351.845,0	100%	1.963.351.845,0	0,0	
29	Máy bơm chìm	14.951.503,0	6.541.273,0			16.751.214,0	37,5%	60,0%		49,0%	8.208.095,0	60%	10.050.728,4	1.842.633,4	
30	Máy bơm chìm PD914T	14.951.503,0	6.541.273,0			16.751.214,0	37,5%	60,0%		49,0%	8.208.095,0	60%	10.050.728,4	1.842.633,4	
31	Máy ép ống Gastes MC4-20	91.292.000,0	60.861.344,0			102.114.954,0	50,0%	70,0%		70,0%	71.480.468,0	70,0%	71.480.467,8	0,0	
32	Máy hàn ống nhua Rem SSM	232.665.511,0	174.499.123,0			307.000.718,0	66,7%	75,0%		71,0%	217.970.510,0	75,0%	230.250.538,5	12.280.028,5	
33	Máy bơm ngâm 3P PD414	15.358.330,0	9.812.270,0			18.496.618,0	62,5%	65,0%		64,0%	11.837.836,0	65,0%	12.022.801,7	184.965,7	
34	Máy phát điện Pramac	218.038.500,0	166.124.580,0			222.653.471,0	80,0%	80,0%		80,0%	178.122.777,0	80%	178.122.776,8	0,0	
35	Bơm nước li tâm KDN 80-135	50.780.000,0	37.379.718,0			65.277.423,0	75,0%	75,0%		75,0%	48.958.067,0	75%	48.958.067,3	0,0	
36	Hệ thống máy phân tích quang	904.676.220,0	665.942.220,0			1.058.756.121,0	80,0%	75,0%		78,0%	825.829.774,0	75%	794.067.090,8	-31.762.683,3	
37	Máy khoan ống TR25/M	65.010.627,0	45.507.436,0			65.101.627,0	83,3%	75,0%		79,0%	51.430.285,0	75%	48.826.220,3	-2.604.064,8	
38	Máy sấy khô khí nh	255.792.000,0	174.791.200,0			278.663.320,0	83,3%	75,0%		79,0%	220.144.023,0	75%	208.997.490,0	-11.146.533,0	
39	Máy nén khí SSR ML250-2S	1.651.816.923,0	1.128.741.565,0			1.799.485.020,0	83,3%	75,0%		79,0%	1.421.593.166,0	75%	1.349.613.765,0	-71.979.401,0	
40	Thiết bị bù giao động điện áp	33.072.587.554,0	23.229.555.553,0			33.072.587.554,0	70,0%	75,0%		73,0%	24.142.988.914,0	75%	24.804.440.665,5	661.451.751,5	
41	Bộ rung vòng bi SKF TIH	50.407.700,0	42.006.420,0			50.407.700,0	91,7%	85,0%		88,0%	44.358.776,0	85%	42.846.545,0	-1.512.231,0	
42	Hệ thống bơm ngầm	402.728.012,0	335.606.672,0			402.728.012,0	75,0%	90,0%		83,3%	335.606.672,0	90%	362.455.210,8	26.848.538,8	
43	Máy đo lưu lượng siêu âm	87.481.384,0	70.471.118,0			87.481.384,0	87,5%	85,0%		86,0%	75.233.990,0	85%	74.359.176,4	-874.813,6	
44	Máy tiện Fuji seiki 311826	375.000.000,0	348.214.284,0			375.000.000,0	90,0%	97,0%		94,0%	352.500.000,0	97%	363.750.000,0	11.250.000,0	
45	Động cơ ZBF 8/2 B05BR	75.797.480,0	72.639.250,0			75.797.480,0	90,0%	96,0%		95,8%	72.639.250,0	96%	72.765.580,8	126.330,8	

13

01/01/2010

Kết quả kiểm tra về tỷ lệ còn lại - 01/01/2010

TT	Tên TSCĐ	Số kế toán		Nguyên giá đánh giá lại (đồng)	Tỷ lệ CL còn lại PP thông kê kinh nghiệm	Tỷ lệ CL còn lại PP thủ thuật	Sử dụng tỷ lệ còn lại theo PP kỹ thuật để tính giá trị	Tỷ lệ còn lại trung bình 2 phương pháp để tính giá trị	Giá trị còn lại (đồng)	Tỷ lệ còn lại PP kỹ thuật	Giá trị còn lại (đồng)	Chênh lệch so với kết quả xác định của TCTy (đồng)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại									
46	Dùng cụ đo độ rung	39.767.000,0	21.540.452,0	45.661.609,0	50,0%	60,0%		55,0%	25.113.885,0	60%	27.396.965,4	2.283.080,4
47	Máy đo nhiệt độ k tiếp xúc	37.397.900,0	23.373.695,0	42.963.675,0	60,0%	65,0%		63,0%	27.067.115,0	65%	27.926.388,8	839.273,8
48	Máy phát điện công suất 1508	36.744.318,0	23.271.386,0	42.187.557,0	60,0%	65,0%		63,0%	26.578.161,0	65%	27.421.912,1	843.751,1
49	Dùng cụ đo phòng xạ	16.774.800,0	12.231.612,0	19.255.118,0	60,0%	75,0%		68,0%	13.093.480,0	75%	14.441.358,5	1.347.858,5
50	Dùng cụ đo phòng xạ	16.774.800,0	12.231.612,0	19.255.118,0	60,0%	75,0%		68,0%	13.093.480,0	75%	14.441.358,5	1.347.858,5
51	Máy đo công suất Fluks	130.588.480,0	87.058.980,0	142.232.865,0	80,0%	80,0%		80,0%	110.941.633,0	80%	106.674.647,3	-4.266.985,8
52	Kẹp đo nhiệt độ Fluks	16.359.046,0	10.906.026,0	17.832.235,0	80,0%	80,0%		80,0%	14.265.788,0	80%	14.265.788,0	0,0
53	Máy đo nhiệt độ Fluks	141.855.285,0	94.570.185,0	154.576.835,0	80,0%	80,0%		80,0%	123.661.468,0	80%	123.661.468,0	0,0
54	Bình hồ đo lưu lượng nước	13.950.000,0	9.765.000,0	15.208.217,0	80,0%	80,0%		80,0%	12.166.574,0	80%	12.166.573,6	-0,4
55	Máy biến thế T3	497.709.444,0	438.458.324,0	497.709.444,0	90,0%	90,0%		90,0%	447.938.500,0	90%	447.938.499,6	-0,4
56	Hệ thống đo nhiệt độ Block máy	531.766.920,0	531.766.920,0	531.766.920,0	100,0%	100,0%		100,0%	531.766.920,0	100%	531.766.920,0	0,0
57	Máy đo bề tổng	13.840.000,0	9.572.679,0	15.891.940,0	60,0%	80,0%		70,0%	11.124.358,0	80%	12.713.552,0	1.589.194,0
58	Máy nén khí Piston 15 HP	54.264.571,0	37.532.986,0	62.292.709,0	60,0%	80,0%		70,0%	43.604.896,0	80%	49.834.167,2	6.229.271,2
59	Dây chuyền luyên	984.453.468.742,0	637.786.860.707,0	1.246.383.363.806,0	60,0%	76,1%		68,0%	847.540.687.388,0	76%	948.497.739.856,4	100.957.052.468,4
60	Quang trục thông tốt	25.242.561,0	0,0	25.242.561,0	0,0%	30,0%		30,0%	7.572.768,0	30%	7.572.768,3	0,0
61	Thông tốt thép B6-1	84.505.538,0	0,0	84.505.538,0	0,0%	30,0%		30,0%	25.351.661,0	30%	25.351.661,4	0,0
62	Thông tốt thép B6-2	84.505.540,0	0,0	84.505.540,0	0,0%	30,0%		30,0%	25.351.662,0	30%	25.351.662,0	0,0
63	Máy ép ống Oxy	71.467.500,0	0,0	71.467.500,0	0,0%	30,0%		30,0%	21.440.250,0	30%	21.440.250,0	0,0
64	Máy hàn DC -3P-380 V	34.286.000,0	20.571.608,0	44.839.469,0	75,0%	70,0%		73,0%	32.732.812,0	70%	31.387.628,3	-1.345.183,7
65	Máy định lượng hòa chất	13.333.333,0	8.000.005,0	17.445.061,0	62,5%	70,0%		66,0%	11.513.740,0	70%	12.211.542,7	697.802,7
66	Máy đục bê tông TCB 200	10.524.000,0	6.869.825,0	12.103.745,0	70,0%	65,0%		68,0%	8.230.547,0	65%	7.867.434,3	-363.112,8
67	Palang xích 1 T	27.300.000,0	17.820.825,0	31.340.384,0	70,0%	70,0%		70,0%	21.938.269,0	70%	21.938.268,8	-0,2
68	Bom thủy lực	39.254.300,0	27.259.922,0	44.294.163,0	80,0%	70,0%		75,0%	33.220.622,0	70%	31.005.914,1	-2.214.707,9
69	Thông tốt 10 tấn	800.560.619,0	667.133.847,0	800.560.619,0	80,0%	90,0%		85,0%	680.476.526,0	90%	720.504.557,1	40.028.031,1
70	Hệ thống tiếp nhận khí Gas	868.689.091,0	564.647.911,0	868.689.091,0	83,3%	80,0%		82,0%	712.325.055,0	80%	696.951.272,8	-17.373.782,2
71	Motor xe con - cầu trục 20T	625.000.000,0	406.249.993,0	625.000.000,0	80,0%	80,0%		80,0%	500.000.000,0	80%	500.000.000,0	0,0
72	Motor xe con - cầu trục 20T	44.153.976,0	30.662.476,0	51.688.071,0	80,0%	80,0%		80,0%	41.350.457,0	80%	41.350.456,8	-0,2
73	Máy ép Thủy lực DS32-69	255.056.000,0	195.542.938,0	304.358.344,0	83,3%	80,0%		82,0%	249.573.842,0	80%	243.486.675,2	-6.087.166,8
74	Motor điện cầu trục 130 T (02)	264.000.000,0	175.999.992,0	308.995.980,0	80,0%	80,0%		80,0%	247.196.784,0	80%	247.196.784,0	0,0
75	Hệ thống cầu trục 5T	930.934.400,0	729.231.951,0	930.934.400,0	83,3%	80,0%		82,0%	763.366.208,0	80%	744.747.520,0	-18.618.688,0
76	Máy cắt chân không 3 AH4	480.725.000,0	360.543.755,0	480.725.000,0	83,3%	80,0%		82,0%	394.194.500,0	80%	384.580.000,0	-9.614.500,0
77	Động cơ điện 01 chiều CR3AM	487.363.966,0	419.674.526,0	487.363.966,0	90,0%	85,0%		88,0%	428.880.290,0	85%	414.259.371,1	-14.620.918,9
78	Động cơ điện 01 chiều CR315	523.104.634,0	501.308.609,0	523.104.634,0	90,0%	96,0%		96,0%	501.308.609,0	96%	502.180.448,6	871.839,6
79	Cầu trục 2 Dầm 16 Tấn	2.267.000.000,0	2.109.569.445,0	2.267.000.000,0	90,0%	97,0%		94,0%	2.130.980.000,0	97%	2.198.990.000,0	68.010.000,0
80	Cầu trục 2 Dầm 16 Tấn (1)	2.267.000.000,0	2.109.569.445,0	2.267.000.000,0	90,0%	97,0%		94,0%	2.130.980.000,0	97%	2.198.990.000,0	68.010.000,0
81	Hệ thống quan sát	34.333.333,0	9.537.025,0	34.333.333,0	70,0%	70,0%		70,0%	24.033.333,0	70%	24.033.333,1	0,0
82	Máy cắt CO Jinhlong	10.952.381,0	8.214.281,0	12.565.720,0	70,0%	30,0%		67,0%	8.419.032,0	30%	3.769.716,0	-4.649.316,0
83	Hệ thống cắt phôi, ra phôi	1.001.147.357,0	0,0	1.001.147.357,0	0,0%	20,0%		10,0%	100.114.736,0	20%	200.229.471,4	100.114.735,4
84	Máy cắt 400T	936.524.887,0	0,0	936.524.887,0	0,0%	20,0%		10,0%	93.652.489,0	20%	187.304.977,4	93.652.488,4
85	Biên áp 560 KVA	45.000.000,0	0,0	45.000.000,0	0,0%	20,0%		10,0%	4.500.000,0	20%	9.000.000,0	4.500.000,0
86	Dàn cần Danieli	1.791.670.791,0	0,0	1.791.670.791,0	0,0%	20,0%		10,0%	179.167.079,0	20%	358.334.158,2	179.167.079,2
87	Động cơ lồng sóc 180 KVA	25.000.000,0	6.131.956,0	25.000.000,0	30,0%	30,0%		30,0%	7.500.000,0	30%	7.500.000,0	0,0
88	Động cơ lồng sóc 160 KVA	28.000.000,0	6.867.799,0	28.000.000,0	30,0%	30,0%		30,0%	8.400.000,0	30%	8.400.000,0	0,0
89	Động cơ dây cuốn 155 KVA	48.750.000,0	11.957.306,0	48.750.000,0	30,0%	30,0%		30,0%	14.625.000,0	30%	14.625.000,0	0,0
90	Động cơ lồng sóc 180 KVA	36.000.000,0	10.041.625,0	36.000.000,0	30,0%	30,0%		30,0%	10.800.000,0	30%	10.800.000,0	0,0
91	Động cơ lồng sóc 180 KVA	28.000.000,0	7.810.156,0	28.000.000,0	30,0%	30,0%		30,0%	8.400.000,0	30%	8.400.000,0	0,0
92	Động cơ Demag Cranes	90.322.729,0	87.311.973,0	90.322.729,0	90,0%	97,0%		96,7%	87.311.973,0	97%	87.613.047,1	301.074,1
93	Hệ thống Gầu ngoàm 3.2 M3	785.000.000,0	765.374.999,0	785.000.000,0	90,0%	98,0%		97,5%	765.374.999,0	98%	769.300.000,0	3.925.001,0

03

TT	Tên TSGB	Số kế toán		Nguyên giá đánh giá lại (đồng)	Tỷ lệ CL còn lại PP thống kê kinh nghiệm	Tỷ lệ CL còn lại PP kỹ thuật	Sử dụng tỷ lệ còn lại theo PP kỹ thuật để tính giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại trung bình 2 phương pháp để tính giá trị	Giá trị còn lại (đồng)	Tỷ lệ còn lại PP kỹ thuật	Giá trị còn lại (đồng)	Chênh lệch so với kết quả xác định của TCTy (đồng)
		Nguyên giá	Giá trị còn lại									
94	Hệ thống thay chén xả nhanh	3.147.069.268,0	2.989.715.806,0	3.147.069.268,0	90,0%	95,0%	95,0%		2.989.715.806,0	95%	2.989.715.804,6	0,0
95	Hệ thống cần phối sản nguội	507.296.569,0	486.159.213,0	507.296.569,0	87,5%	96,0%	95,8%		486.159.213,0	96%	487.004.706,2	845.493,2
96	Động cơ cầu trục 130 T	340.014.765,0	250.288.652,0	397.946.917,0	80,0%	80,0%		80,0%	318.357.534,0	80%	318.357.533,6	0,0
97	Động cơ điện 130 KW	185.000.000,0	143.888.888,0	212.508.500,0	80,0%	75,0%		78,0%	165.756.630,0	75%	159.381.375,0	-6.375.255,0
98	Động cơ điện 130 KW	185.000.000,0	143.888.888,0	212.508.500,0	80,0%	75,0%		78,0%	165.756.630,0	75%	159.381.375,0	-6.375.255,0
99	Động cơ điện 370 KW	160.000.000,0	124.444.444,0	174.404.802,0	80,0%	75,0%		78,0%	136.035.746,0	75%	130.803.601,5	-5.232.144,5
100	Bơm dầu thủy lực	129.321.070,0	129.321.070,0	129.321.070,0	90,0%	100,0%	100,0%		129.321.070,0	100%	129.321.070,0	0,0
101	Máy trộn bê tông	22.050.000,0	21.131.249,0	22.050.000,0	91,7%	96,0%	95,8%		21.131.249,0	96%	21.168.000,0	36.751,0
102	Bơm ngầm Ebara 100 LC	68.000.000,0	68.000.000,0	68.000.000,0	90,0%	100,0%	100,0%		68.000.000,0	100%	68.000.000,0	0,0
103	Động cơ Servo 4.8 KVA	59.858.304,0	59.858.304,0	59.858.304,0	90,0%	100,0%	100,0%		59.858.304,0	100%	59.858.304,0	0,0
104	Động cơ Servo 3.5 KVA	82.494.804,0	82.494.804,0	82.494.804,0	90,0%	100,0%	100,0%		82.494.804,0	100%	82.494.804,0	0,0
105	Máy phay rãnh vắn, kiểu đầu	9.394.176.901,0	9.394.176.901,0	9.394.176.901,0	90,0%	100,0%	100,0%		9.394.176.901,0	100%	9.394.176.901,0	0,0
106	Hệ thống Sever mã vạch	129.119.100,0	100.425.964,0	129.119.100,0	90,0%	95,0%		93,0%	120.080.763,0	95%	122.663.145,0	2.582.382,0
107	Cầu trục 2 dầm 5T	402.000.000,0	362.916.669,0	402.000.000,0	90,0%	95,0%	95,0%		381.900.000,0	95%	381.900.000,0	0,0
108	Máy P tích khí	448.873.740,0	374.061.450,0	448.873.740,0	87,5%	90,0%		89,0%	399.497.629,0	90%	403.986.366,0	4.488.737,0
109	Hệ thống làm mát máy nén oxi	701.744.912,0	549.700.175,0	701.744.912,0	83,3%	80,0%		82,0%	575.430.828,0	80%	561.395.929,6	-14.034.888,4
110	Động cơ điện AC 370 KW	160.000.000,0	106.666.672,0	183.644.302,0	70,0%	70,0%		70,0%	128.551.011,0	70%	128.551.011,4	0,0
	Tổng cộng	1.742.784.697.755,0	1.079.615.059.831,0	2.233.057.737.519,0					1.546.283.280.123,0		1.783.640.637.191,4	237.357.357.067,2



PHỤ LỤC

KIẾN NGHỊ XỬ LÝ VỀ KINH TẾ
Đoàn thanh tra việc tái cơ cấu DNNN thuộc Bộ Công Thương
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 4538/KL-TTCTP ngày 07/7/2023)

ĐVT: Triệu đồng

A. KIẾN NGHỊ XỬ LÝ VỀ TIỀN						
TT	Nội dung	Tổng số	Đơn vị thực hiện			Ghi Chú
			PVCFC	BSR	VEAM	VNSteel
I	Xử lý, xác định tăng vốn nhà nước	686.363,8	79.892,3	362.300	13.642	230.529,5
1	PVN chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại PVCFC yêu cầu Công ty cổ phần nộp ngay số tiền do xác định thiếu giá trị thực tế phần vốn nhà nước CPH PVCFC (tiền lãi chênh lệch tỷ giá) về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty mẹ PVN là 79.892,3 triệu đồng. PVCFC có trách nhiệm điều chỉnh hạch toán kế toán; điều chỉnh quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi xử lý tài chính để báo cáo cơ quan thuế địa phương theo quy định hiện hành.	79.892,3	79.892,3			PVN Đa thực hiện
2	PVN chỉ đạo BSR (qua người đại diện phần vốn), điều chỉnh hạch toán, quyết toán thuế, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 liên quan đến khoản trích Quỹ Khoa học vượt mức quy định số tiền 381.364 triệu đồng; theo đó, BSR kê khai, nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp 19.060 triệu đồng (tạm tính), phân phối lợi nhuận sau thuế nộp về Công ty mẹ PVN (PVN có trách nhiệm quyết toán nộp ngân sách nhà nước) số tiền 362.300 triệu đồng (tạm tính).	362.300		362.300		Trừ khoản kê khai nộp thuế đồng 19.060 triệu đồng
3	Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan có liên quan kiểm tra toàn diện việc cổ phần hóa VNSteel, báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền để giải quyết những tồn tại, vướng mắc; kiểm tra chính xác số liệu báo cáo tài chính thời kỳ CPH, hồ sơ trình quyết toán CPH để phê duyệt, xác định số tiền nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và PTĐN (tại SCIC) theo đúng quy định pháp luật (gồm cả phạt chậm nộp); trước hết, chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại VNSteel, căn cứ Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021, yêu cầu VNSteel rà soát nộp Ngân sách Nhà nước các khoản không vướng mắc do đang xử lý đất đai trong số phải nộp về CPH 583.917 triệu đồng theo Báo cáo tài chính thời kỳ CPH đã được kiểm toán (trong đó, kiểm tra 02 khoản VNSteel trình quyết toán giám trừ vốn nhà nước không đủ cơ sở, sai quy định, số tiền 230.529,5 triệu đồng); thực hiện bù trừ sau khi quyết toán, xác định tiền nộp NSNN sau khi CPH VNSteel chính thức được duyệt.	230.529,5				Trong số phải nộp về CPH số tiền 583.917 triệu đồng (theo Báo cáo tài chính thời kỳ CPH), VNSteel đã nộp 111.854,5 triệu đồng.

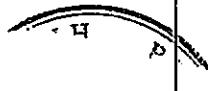
ĐB

4	Bộ Công Thương xác định tăng vốn nhà nước tại VEAM, đồng thời tăng khoản phải nộp Nhà nước về CPH tương ứng khoản Công ty cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam xác định giá trị 02 khoản đầu tư góp vốn của VEAM tại Matexim Hà Nội và Disoco không đúng 3.231 triệu đồng; theo đó, Ban chỉ đạo CPH VEAM thẩm tra, trình Bộ Công Thương phê duyệt giá trị doanh nghiệp CPH VEAM giảm 3.231 triệu đồng.	3.231			3.231		Trừ khoản kế khai nộp thuế 1.935 triệu đồng
5	Bộ Công Thương xác định tăng vốn nhà nước tại VEAM tương ứng khoản VEAM chưa hạch toán tiền lãi vay của 02 đơn vị số tiền là 9.314 triệu đồng dẫn đến Bộ Công Thương phê duyệt giá trị doanh nghiệp CPH VEAM thiếu vốn nhà nước 7.192 triệu đồng.	7.192			7.192		
6	Bộ Công Thương xác định tăng vốn nhà nước tại VEAM tương ứng khoản nợ phải trả không xác định được đối tượng trả 3.219 triệu đồng.	3.219			3.219		
II	Các doanh nghiệp kê khai nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp	21.182		19.060	2.122		
1	BSR kê khai nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng khoản BSR trích Quỹ Khoa học Công nghệ năm 2016 không đúng 381.364 triệu đồng, do đó tính thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp 19.060 triệu đồng.	19.060		19.060			Tạm tính
2	VEAM kê khai nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng các khoản VEAM phải hạch toán thu tiền lãi 9.314 triệu đồng đối với 05 đơn vị được VEAM cho vay vốn hỗ trợ vốn nhưng chưa tính thu đủ lãi theo hợp đồng.	2.122			2.122		3.634 x 22%; 5.680 x 20%
III	Xử lý khác	1.631.163,3	261.059			1.370.104,3	
1	Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc PVN chủ trì xử lý	261.059	261.059				
	PVN chủ trì cùng Ban chỉ đạo CPH PVCFC, người đại diện phần vốn nhà nước tại PVCFC yêu cầu Công ty cổ phần, tư vấn VCSC xác định lại Giá trị tiềm năng phát triển khi CPH PVCFC theo đặc thù được hướng ưu đãi chính sách/điều tiết giá khí của Chính phủ (năm 2012, năm 2013) trình cơ quan có thẩm quyền quyết định để khẩn trương quyết toán CPH tại PVCFC; tương ứng hợp không được giải quyết thì nộp ngay số tiền 261.059,5 triệu đồng về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty mẹ PVN.	261.059	261.059				
2	Bộ Công Thương chủ trì chủ trì xử lý	1.370.104,3				1.370.104,3	
2.1	Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Ban chỉ đạo CPH VNSTeel, chỉ đạo SCIC, người đại diện vốn Nhà nước tại CTCP VNSTeel yêu cầu tổ chức tư vấn (VVFC) xác định lại giá trị doanh nghiệp đối với máy móc thiết bị tại Công ty Thép miền Nam và Công ty Thép tấn lá Phú Mỹ (thời điểm 01/01/2010) do thực hiện không đúng quy định pháp luật, nguy cơ xác định thiếu giá trị thực tế phần vốn nhà nước để CPH VNSTeel tổng số tiền khoảng 344.687 triệu đồng (Công ty Thép Miền Nam xác định thiếu đối với 92 máy móc thiết bị tổng số là 237.357 triệu đồng.	344.687				344.687	Tạm tính

28

	Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ đối với 35 máy móc thiết bị tổng số là 107.330 (đồng); chỉ đạo việc nghiệm thu lại giá trị thực hiện hợp đồng tư vấn đã ký giữa VNSTeel với VVFC trong việc xác định GTDN CPH VNSTeel, xác định giảm trừ khối lượng thực hiện hợp đồng không đảm bảo chất lượng, không đúng quy định của pháp luật.							
2.2	Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Ban chỉ đạo CPH VNSTeel kiểm tra, rà soát quyết toán tài chính giai đoạn có phân hóa đảm bảo đầy đủ cơ sở, đúng quy định pháp luật, theo đó xác định chính xác số phải nộp Quỹ hỗ trợ và PTĐN; trong đó có các khoản: <i>Giảm giá trị đầu tư đối với cổ tức được chia từ lợi nhuận trước số tiền 96.750,1 triệu đồng và giảm theo thông báo Ban quản lý dự án cán nguội Thép Phú Mỹ" số tiền 52.666,2 triệu đồng.</i>	149.417,3					149.417,3	Tạm tính
2.3	Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chỉ đạo SCIC yêu cầu VNSTeel (qua người đại diện phần vốn) thực hiện chia cổ tức cho cổ đông (trong đó có cổ đông nhà nước) từ lợi nhuận sau thuế của VNSTeel giai đoạn từ 01/10/2011 đến 31/12/2017 (khoảng 876.000 triệu đồng).	876.000					876.000	

B. KIẾN NGHỊ XỬ LÝ VỀ ĐẤT ĐAI

TT	Nội dung địa phương xử lý đất đai trên địa bàn	Tổng số m ²	Diện tích đất xử lý (m ²) thuộc doanh nghiệp CPH				Ghi Chú
			Veam	Fococev	Vnsteel	Vinatrans	
	UBND các tỉnh, thành phố theo chức năng, thẩm quyền chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Công ty Fococev, VEAM, Vnsteel, Vinatrans kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai, hợp đồng thuê nhà, đất, truy thu nghĩa vụ tài chính (nếu có), xử lý những tồn tại, vướng mắc để khẩn trương quyết toán CPH theo quy định của P.lược; trong đó có các diện tích đất cụ thể:	112.966,4	40.192	23.733,3	4.528,1	44.513	
1	UBND Thành phố Hà Nội	1.338			1.338		
-	Số 91 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.				1.338		
2	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	47.703,1			3.190,1	44.513	
-	Số 56 Thủ Khoa Huân, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.				1.083,5		
-	Số 736 N Ngô Quang Huy, ấp An Điền, phường Tháo Điền, quận 2, TP. Hồ Chí Minh				2.106,6		Trong đó có 744,6 m ² diện tích thâm định giá vượt diện tích Bộ Tài chính phê duyệt
-	Số 406 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh					2.579	

ĐS

-	Số 102C Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh					611	
-	Ấp 3, Phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh					39.306	
-	Số 1531 Phạm Thế Hiển, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh					60	
-	Số 1650-1652 Phạm Thế Hiển, Quận 8					1.957	
3	UBND tỉnh Thái Nguyên	40.192	40.192				
-	Thửa đất tại phường Lương Châu, Thành phố Sông Công, Thái Nguyên		40.192				
4	UBND tỉnh Quảng Ngãi:	6.900		6.900			
-	Thửa đất tại Tổ 15, Phường Trần Phú, Quảng Ngãi.			6.900			
5	UBND tỉnh Khánh Hòa:	15.882,7		15.882,7			
-	Thửa đất tại số 38 Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang, Khánh Hòa.			1.124,7			
-	Diện tích đất tại Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa.			14.758			
6	UBND tỉnh Đắk Lắk:	596		596			
-	Thửa đất tại thôn 2, xã Hòa Thuận, Thành phố Buôn Mạ Thuật, Đắk Lắk.			596			
7	UBND Thành phố Đà Nẵng	354,6		354,6			
-	Số 93 Phan Chu Trinh (hồ sơ là số 111 Phan Chu Trinh), phường Hải Châu, Quận Hải Châu, Đà Nẵng.			115,9			
-	Số 62 Trần Quốc Toản (hồ sơ là số 50 Trần Quốc Toản), phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Đà Nẵng.			116,3			
-	số 64 Trần Quốc Toản (hồ sơ là số 52 Trần Quốc Toản), phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Đà Nẵng.			122,4			

88